

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
CÔNG NGHIỆP SỐ 2 (D2D)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59 /CV-D2D-TCHC Biên Hòa, ngày 01 tháng 04 năm 2021
V/v: Công bố Báo cáo thường niên năm 2020.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2
 - Tên viết tắt: Công ty D2D
 - Mã chứng khoán: D2D
 - Trụ sở chính: H22 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP.Biên Hòa, Đồng Nai.
 - Điện thoại: (84-251) 3817 742 Fax: (84-251) 3817 768
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hồ Đức Thành- Tổng giám đốc.
- Loại thông tin công bố:
- ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (D2D) công bố Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này được công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty D2D vào ngày 01/04/2021 tại đường dẫn <http://www.d2d.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty Sonadezi (b/c);
- Lưu: VT.



Hồ Đức Thành

***" Luôn gắn kết giá trị, lợi ích
của doanh nghiệp với lợi ích
của cộng đồng và xã hội "***

D2D

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ : H22, Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại : (0251) 3817 742

Số fax : (0251) 3817 768

Website : www.d2d.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2**

D2D



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH
SẢN XUẤT
KINH DOANH
NĂM 2020**



1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

12

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
NĂM 2020**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Hoạt động thi đua khen thưởng



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Tình hình tài chính năm 2020

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2020)

Kế hoạch phát triển năm 2021 và nhiệm kỳ IV (2021-2026)

Kế hoạch thực hiện các dự án năm 2021

Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch năm 2021

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính



D2D

THÔNG TIN CHUNG

- 1. Thông tin khái quát**
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**
- 4. Định hướng phát triển**
- 5. Các rủi ro**

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2
Tên viết tắt		CÔNG TY D2D
Giấy CNĐKDN		3600259560 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23/12/2020
Vốn điều lệ		303.047.580.000 đồng
Địa chỉ		H22, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại		(0251) 3817 742
Số fax		(0251) 3817 768
Website		www.d2d.com.vn
Email		d2d@d2d.com.vn
Mã cổ phiếu		D2D
Logo Công ty		

Quá trình hình thành và phát triển:

" Từ nền tảng giá trị đã kiến tạo trong hơn 1/4 thế kỷ vừa qua, Công ty D2D mong muốn sự phát triển trong thời gian tới sẽ gắn liền với những đóng góp lớn hơn, hiệu quả hơn cho sự phát triển của cộng đồng, địa phương "

1992

Công ty Xây dựng Dân dụng Công nghiệp số 2 (doanh nghiệp nhà nước) được thành lập vào ngày 14/10/1992 theo quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai.

2005

Công ty chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần. Theo đó, Công ty Xây dựng Dân dụng Công nghiệp số 2 được đổi tên thành Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (D2D) với số vốn điều lệ là 73,5 tỷ đồng.

2006

Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (D2D) chính thức đi vào hoạt động. D2D mở rộng danh mục đầu tư sang lĩnh vực đầu tư tài chính và liên doanh liên kết với một số doanh nghiệp.

D2D

" 28 NĂM 1 CHẶNG ĐƯỜNG "

2009

- D2D nâng vốn điều lệ lên 107 tỷ đồng tương ứng 10.700.000 cổ phần, trong đó vốn nhà nước chiếm 57,7%.

- Niêm yết 10,7 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch thành phố Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch mã chứng khoán D2D vào ngày 14/08/2009.

- Ngày 26/11/2009, D2D đã khai trương Sàn giao dịch Bất động sản tại H22, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2019

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 02/08/2019.

- D2D nâng vốn điều lệ lên 213,55 tỷ đồng tương ứng 21.354.984 cổ phần, trong đó vốn nhà nước chiếm 57,82%.

- Giá trị tổng tài sản là 2.098,64 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu là 811,5 tỷ đồng.

- Công ty D2D đạt "Top 100 Sao vàng đất Việt năm 2018, 2019".

2020

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 23/12/2020.

- D2D nâng vốn điều lệ lên 303,05 tỷ đồng tương ứng 30.304.758 cổ phần, trong đó vốn nhà nước chiếm 57,86%

- Giá trị tổng tài sản là 2.003,61 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu là 969,4 tỷ đồng.

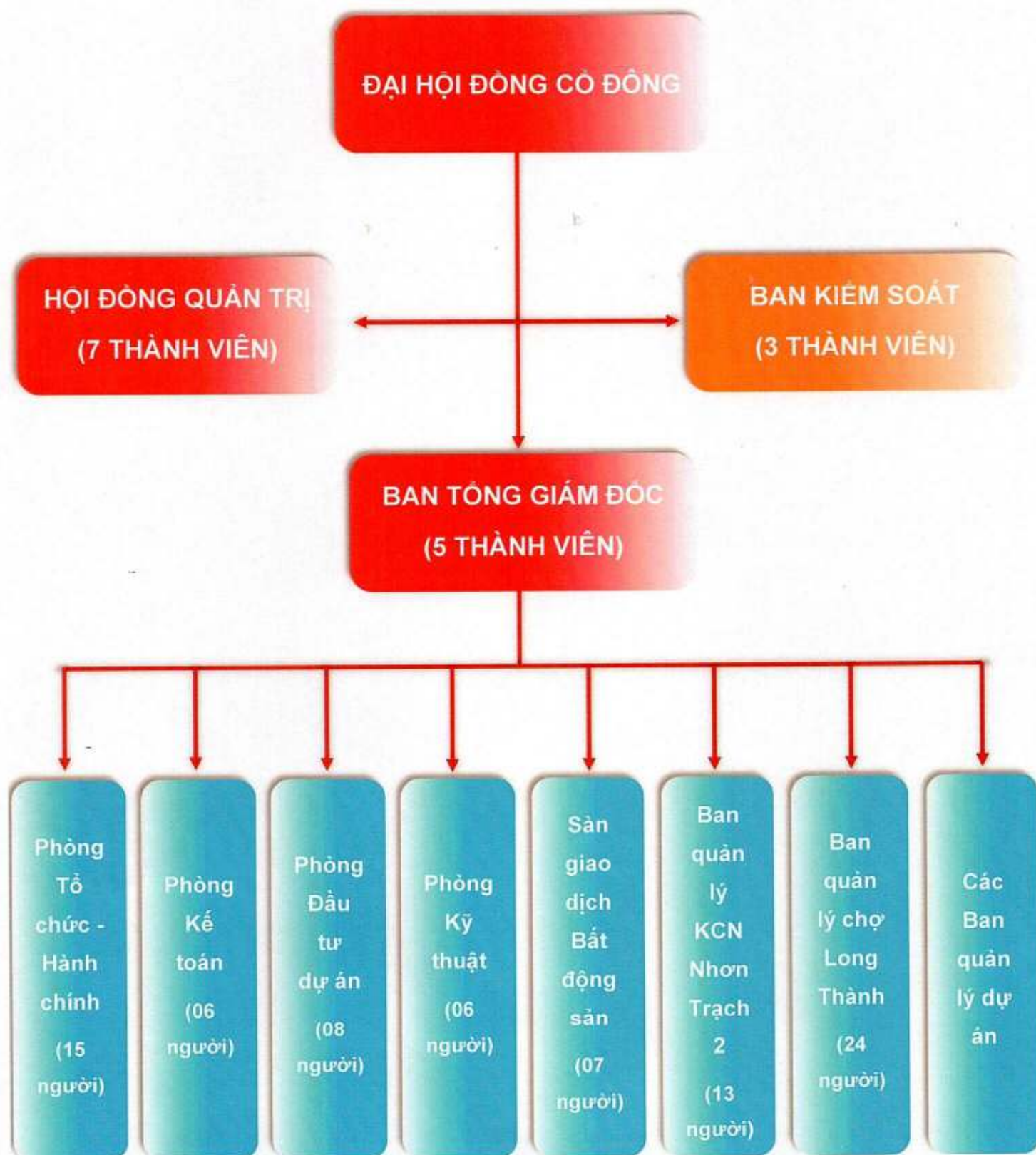
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư kinh doanh bất động sản, khu công nghiệp và khu dân cư, đầu tư kinh doanh chợ.

Địa bàn kinh doanh chính: Cho thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, đầu tư kinh doanh chợ Long Thành tại huyện Long Thành và kinh doanh các dự án bất động sản tại tỉnh Đồng Nai.



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển

1

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả theo các ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nâng cao hiệu quả và tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

D2D sẽ tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, đầu tư phát triển hạ tầng các khu đô thị mới, đặc biệt là TP. Biên Hòa góp phần giải quyết các vấn đề về nhà ở, phát triển đô thị và giao thông. Bên cạnh đó, D2D sẽ quan tâm đầu tư các dự án nhà ở xã hội phục vụ cho công nhân tại các khu công nghiệp và sẽ xem xét xin đầu tư các dự án về nhà ở cho công nhân an tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

- Mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 10%.
- Tỷ lệ cổ tức là 20%/năm và tối thiểu là 10%/năm trong các trường hợp tăng vốn điều lệ.

3

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao, liên tục trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến nguồn tài nguyên và để lại hậu quả về môi trường cho thế hệ tương lai. Do đó, Ủy ban Môi trường và Phát triển của Liên hiệp quốc đã đưa ra mục tiêu phát triển bền vững. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, mọi hoạt động kinh doanh của D2D đều ít nhiều tác động đến môi trường và cộng đồng xung quanh. Nhận thức được điều đó, Công ty đã và đang xây dựng các kế hoạch, chính sách nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Công ty còn chủ trương tham gia tích cực các công tác xã hội, từ thiện, góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Các rủi ro

**1**

Rủi ro luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, do vậy, bên cạnh các quy định pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán,... Công ty còn chịu sự ảnh hưởng từ các thông tư, nghị định, văn bản pháp luật quy định trong lĩnh vực xây dựng của Việt Nam như Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản,... Bên cạnh đó, Việt Nam đã và đang tiến hành công cuộc đổi mới và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế để phù hợp với xu thế thế giới. Cùng với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật nên việc thay đổi, điều chỉnh các văn bản pháp lý, các định hướng, chủ trương phát triển kinh tế của Nhà nước diễn ra khá thường xuyên. Những sự thay đổi này có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng chủ động nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của các chính sách để từ đó điều chỉnh, xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

**2**

Rủi ro cạnh tranh

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh của thị trường bất động sản, nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng ngày càng cao, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, còn có nhiều doanh nghiệp lớn như Công ty CP Xây dựng Coteccons, Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình, Tổng công ty Sông Đà, Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam,... Thêm vào đó, sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính mạnh, về quản lý, công nghệ và nhân lực. Công ty phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp trong ngành là điều tất yếu. Do đó, Công ty chủ động tăng cường nghiên cứu thị trường, tập trung nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng sản phẩm từ đó nâng cao uy tín trong ngành và tăng hiệu quả công việc.



3

Rủi ro chậm thanh toán

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, giải ngân vốn chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất thời gian, gây ra việc bị chiếm dụng vốn. Ngoài ra, việc chậm thanh toán còn xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác như chủ đầu tư không có nguồn tài chính đảm bảo do vốn ban đầu ít nên ngân hàng không bảo lãnh, hay một số chủ đầu tư có tài chính đủ nhưng cố tình kéo dài không trả tiền nợ cho nhà thầu. Điều này nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các công ty xây dựng nói chung và Công ty D2D. Do đó, Công ty chú trọng công tác đấu thầu: chọn lựa các dự án có quy mô và thời gian thi công phù hợp với điều kiện của Công ty, đánh giá tình hình tài chính và uy tín của chủ đầu tư. Ngoài ra, Công ty đưa ra các quy định chặt chẽ và đàm phán kỹ các điều khoản liên quan đến thanh toán trong hợp đồng để hạn chế tối đa thiệt hại.



4

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

D2D hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, do đó, vật liệu xây dựng cũng là nguyên vật liệu đầu vào thiết yếu. Trong những năm qua, giá cả một số loại vật liệu xây dựng, đặc biệt là thép và cát liên tục biến động. Điều này đã có tác động không nhỏ tới chi phí xây dựng các công trình khiến nhiều doanh nghiệp xây dựng gặp không ít khó khăn. Do đó, Công ty đã chủ động tính toán, dự báo chính xác khối lượng vật tư để giảm thiểu chi phí không cần thiết, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào thi công và nâng cao trình độ đội ngũ nhân lực.



5

Rủi ro an toàn lao động

Với tính chất đặc thù của ngành xây dựng, phần lớn người lao động phải thực hiện các công việc nặng nhọc ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn từ thời tiết và thường xuyên phải làm việc trên cao. Do đó, ngành xây dựng là ngành có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, cụ thể, trên tổng số các vụ tai nạn lao động trên cả nước thì lĩnh vực xây dựng chiếm gần 24%. Nguyên nhân chủ yếu là do người sử dụng lao động không có hệ thống quản lý về an toàn lao động hiệu quả.

Khi xảy ra các sự cố tai nạn không những gây tổn thất về con người, tinh thần và vật chất mà còn làm giảm sự uy tín của công ty trên thương trường. Nhận thức được những điều trên, Công ty chủ động xây dựng quy trình, biện pháp làm việc an toàn; thường xuyên kiểm tra, thay thế, bảo trì thiết bị không đảm bảo an toàn. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các lớp huấn luyện về an toàn lao động và trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động.



6

Rủi ro khác

Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... đều là những yếu tố nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người. Tuy nhiên, khi những yếu tố kể trên xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu tổn thất từ các nguyên nhân bất khả kháng, Công ty thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời thông tin về thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, xây dựng các biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, đồng thời, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020**
- 2. Tổ chức và nhân sự**
- 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án năm 2020**
- 4. Tình hình tài chính năm 2020**
- 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**
- 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**
- 7. Hoạt động thi đua khen thưởng**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

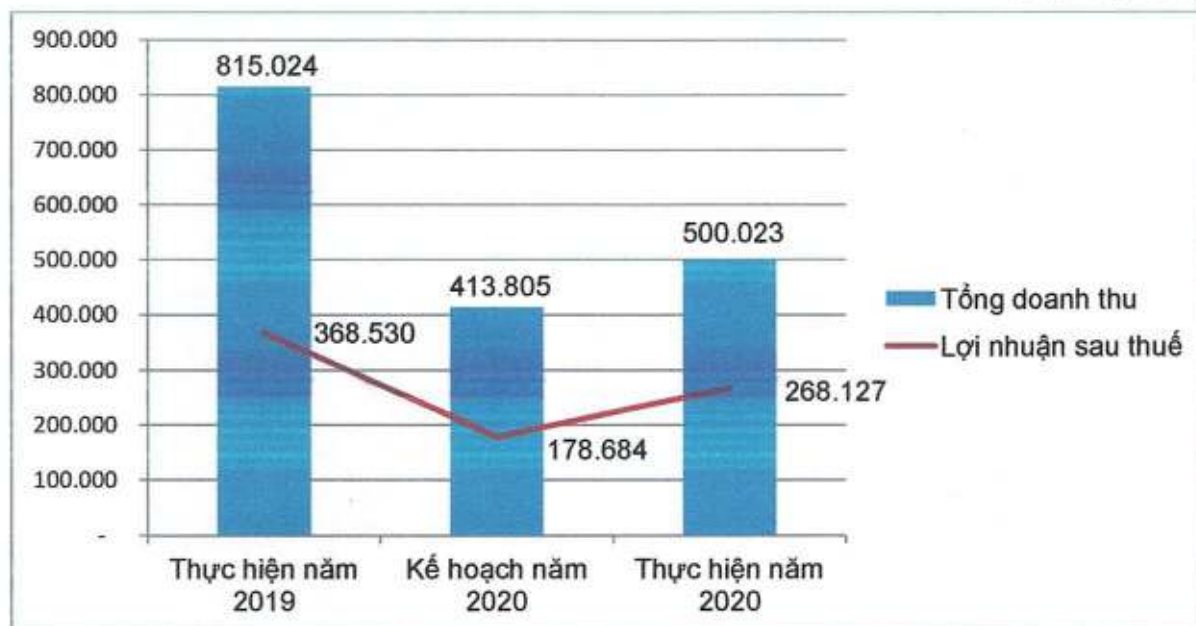
Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam cũng như sự tăng trưởng của ngành xây dựng và bất động sản, D2D đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ như sau:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ thực hiện năm 2020 (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	So với năm 2019	So với kế hoạch
1	Tổng doanh thu	815.024	413.805	500.023	61,35	120,84
2	Lợi nhuận trước thuế	460.670	221.455	337.337	73,23	152,33
3	Lợi nhuận sau thuế	368.530	178.684	268.127	72,76	150,06
4	Nộp Ngân sách	224.066	85.000	101.048	45,10	118,88
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	107.750	209.233	317.592	294,75	151,79
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	137,62	63,08	83,97	61,02	133,12
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ROA (%)	17,56		13,38	76,21	

Tổng doanh thu năm 2020 đạt 500.023 triệu đồng, đạt 120,84% kế hoạch năm và giảm 38,65% so với năm 2019. Trong đó, cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu từ kinh doanh bất động sản là lớn nhất chiếm 55,89% tổng doanh thu, tiếp theo doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp chiếm 13,2% tổng doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính từ lãi tiền gửi chiếm 28,2% tổng doanh thu, còn lại là doanh thu khác. Năm 2020, lợi nhuận sau thuế đạt 268.127 triệu đồng, giảm 27,24% so với năm 2019 và đạt 150,06% kế hoạch năm. Tổng doanh thu và lợi nhuận năm 2020 tăng so với kế hoạch là do hiệu quả kinh doanh dự án *Khu dân cư Lộc An*.

Đvt: Triệu đồng



2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Hồ Đức Thành	Tổng giám đốc	299.401	0,99	Người đại diện theo pháp luật, người công bố thông tin
2	Hà Quan Dũng	Phó Tổng giám đốc	0	0	
3	Hồ Đình Thái	Phó Tổng giám đốc	17	0	
4	Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng giám đốc	28.465	0,09	
5	Trần Thị Kim Thu	Phó Tổng giám đốc	4.260	0,01	
6	Trương Lưu	Kế toán trưởng	0	0	
Cộng			332.143	1,09	

b. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Không có.

Tổng giám đốc**Hồ Đức Thành**

Ngày sinh: 14/01/1964

Nơi sinh: TP.Vinh, tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế, Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

Năm 1988 - 1995	Nhân viên phòng Tài chính, Sở Tài chính Đồng Nai.
Năm 1995 - 2003	Phó phòng Nghiệp vụ 3 Cục quản lý vốn và TSNN tỉnh Đồng Nai.
Năm 2003 - 2005	Kế toán trưởng Công ty D2D.
Năm 2006 - tháng 04/2009	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty D2D.
Tháng 04/2009 - 04/2010	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty D2D.
Tháng 04/2010 - 04/2011	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty D2D.
Tháng 04/2011 - 04/2016	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty D2D.
Tháng 04/2016 - 09/2017	Chủ tịch HĐQT Công ty D2D.
Tháng 09/2017 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty D2D.

Phó Tổng giám đốc**Hà Quan Dũng****Ngày sinh:** 10/05/1971**Nơi sinh:** TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ QTKD, Cử nhân QTKD

Quá trình công tác:

Năm 1993 - 1995	Lái xe Công ty TNHH CP Việt Nam.
Năm 1995 - 1997	Phó Phòng bảo hiểm con người, Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
Năm 1997 - 2005	Trưởng Phòng phục vụ khách hàng, Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
Tháng 12/2005 - 06/2006	Phó Phòng quản lý và khai thác quỹ đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai.
Tháng 06/2006 - 05/2011	Phó Phòng kế toán- Tài vụ kiêm Phó Phòng Hành chính tổ chức, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai.
Tháng 06/2011 - 04/2013	Nhân viên Sàn giao dịch bất động sản Công ty D2D.
Tháng 04/2013 - 10/2013	Phụ trách Phòng quản lý chợ Long Thành, Công ty D2D.
Tháng 10/2013 - 06/2016	Trưởng Ban quản lý chợ Long Thành, Công ty D2D.
Tháng 07/2016 - 09/2017	Phó Tổng giám đốc Công ty D2D.
Tháng 09/2017 - 04/2019	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty D2D.
Tháng 04/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty D2D.

Phó Tổng giám đốc**Hồ Đình Thái**

Ngày sinh: 15/03/1969

Nơi sinh: Tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

Tháng 04/1994 - 12/2005	Phó phòng Kỹ thuật, Công ty Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 2.
Tháng 01/2006 - 04/2011	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty D2D.
Tháng 04/2011 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty D2D.

Phó Tổng giám đốc**Nguyễn Văn Hiếu**

Ngày sinh: 15/12/1974

Nơi sinh: Tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân luật, Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

Tháng 07/2002 - 08/2005	Cán bộ Phòng tổng hợp, Công ty Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 2.
Tháng 08/2005 - 03/2007	Cán bộ Ban quản lý dự án Khu dân cư đường 5, Công ty D2D.
Tháng 04/2007 - 06/2011	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Công ty D2D.
Tháng 07/2011 - 05/2014	Trưởng Ban quản lý KCN Nhơn Trạch 2, Công ty D2D.
Tháng 06/2014 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty D2D.

Phó Tổng giám đốc**Trần Thị Kim Thu****Ngày sinh:** 18/03/1975**Nơi sinh:** TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ QTKD, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Năm 1999 - 2007	Nhân viên kế toán Công ty CP Đồng Tiến.
Năm 2007 - 2008	Nhân viên kế toán Công ty D2D.
Năm 2008 - tháng 04/2016	Phó phòng Kế toán Công ty D2D.
Tháng 04/2016 - 01/2018	Thành viên HĐQT, Phó phòng Kế toán Công ty D2D.
Tháng 02/2018 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty D2D.

Kế toán trưởng**Trương Lưu**

Ngày sinh: 22/04/1967

Nơi sinh: Tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Năm 1990 - 1991	Nhân viên kế toán, Xí nghiệp rượu bia Đồng Nai.
Năm 1991 - 1995	Kế toán trưởng Ban xây dựng cơ bản, Xí nghiệp rượu bia Đồng Nai.
Năm 1995 - 1997	Kế toán tổng hợp, Xí nghiệp liên doanh bia Power Đồng Nai.
Năm 1997 - 1998	Kế toán tổng hợp, Cơ sở sản xuất bia thuộc Donafoods.
Năm 1998 - 2005	Phó phòng Kế toán thống kê, Công ty bia nước giải khát Đồng Nai.
Năm 2005 - 2007	Phụ trách tài chính Tổng công ty Viễn thông quân đội, Chi nhánh Đồng Nai.
Tháng 03/2007 - 03/2008	Nhân viên kế toán Công ty D2D.
Tháng 04/2008 - 04/2010	Phó phòng kế toán Công ty D2D.
Tháng 04/2010 - nay	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty D2D.

c. Tổng số nhân viên:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)
1	Lao động có trình độ Trung cấp, Đại học trở lên	48
2	Lao động khác	37
Tổng số nhân viên		85

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án năm 2020**a. Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:**

STT	Tên đơn vị	Vốn góp (triệu đồng)	Vốn góp theo vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ tức năm 2020 dự kiến (%)
	Đầu tư tài chính				
1	Công ty CP Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	11.250	18.000	11,78	0
2	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	2.500	2.500	5	15
3	Công ty CP Địa ốc Thảo Điền	10.000	4.051	1,35	15
4	Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	11.200	11.200	3,97	0
5	Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI	19.240	19.240	10	0
6	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận	36.000	36.000	9	0
Cộng		90.190	90.991		

❖ Tình hình góp vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác trong năm 2020:

Ngày 25/06/2020, Công ty D2D thực hiện xong việc góp vốn bổ sung là 5.240 triệu đồng vào Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Đường 319 nối dài và nút giao giữa đường 319 với đường cao tốc TP.HCM- Long Thành- Dầu Giây do điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án. Như vậy, tổng giá trị vốn góp của Công ty D2D tại Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI là 19.240 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI).

- Ngày 09/09/2020, Công ty D2D thực hiện xong việc góp vốn là 36.000 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 9% vốn điều lệ 400.000 triệu đồng) vào Công ty CP Sonadezi Bình Thuận để thực hiện Dự án *Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Đức* tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (diện tích 300 ha, tổng mức đầu tư dự kiến là 1.200.000 triệu đồng).

❖ **Tình hình thoái vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác trong năm 2020:**

Không có.

❖ **Cổ tức nhận được trong năm 2020 là 982.461.836 đồng, bao gồm:**

- Công ty CP Địa ốc Thảo Điền (cổ tức năm 2020- 15%): 607.461.836 đồng.
- Công ty CP Dịch vụ Sonadezi (cổ tức năm 2019- 15%): 375.000.000 đồng.

b. Tình hình thực hiện các dự án năm 2020:

Năm 2020, Công ty D2D tiếp tục triển khai đầu tư và kinh doanh các dự án như sau:

1. Dự án Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2
2. Dự án Chợ Long Thành
3. Dự án Khu dân cư Lộc An
4. Dự án Khu dân cư phường Thống Nhất
5. Dự án Khu công nghiệp Châu Đức
6. Dự án Nhà xưởng Châu Đức
7. Dự án 45 căn nhà liên kế Khu dân cư phường Bửu Long.

1 Dự án Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2:

1. **Địa điểm:** Xã Hiệp Phước và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
2. **Quy mô diện tích dự án:** 331,42 ha, trong đó diện tích đất cho thuê: 281,72 ha. Diện tích đất đã ký hợp đồng cho thuê lại đất là 281,72 ha, đạt tỷ lệ 100% diện tích đất cho thuê.
3. **Tổng số nhà đầu tư** vào Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 là 54 doanh nghiệp bao gồm 45 doanh nghiệp nước ngoài và 09 doanh nghiệp trong nước với tổng vốn đầu tư khoảng 1,6 tỷ Đô la Mỹ.
4. **Tổng vốn đã thực hiện đầu tư:** 358.050 triệu đồng.
5. Trong năm 2020, Công ty thực hiện các công việc như sau:
 - Thực hiện công tác quản lý để đảm bảo hoạt động ổn định của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp bao gồm công tác an ninh, công việc duy tu, bảo dưỡng hạ tầng khu công nghiệp định kỳ, công việc vệ sinh, chăm sóc cây xanh và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đầu tư Nhà máy xử lý nước thải (giai đoạn 3), công suất 10.000 m³/ngày đêm với giá trị đầu tư là 71.434 triệu đồng.
- Nạo vét mương thu nước đường Trần Phú, mương thoát nước mưa với chi phí là 338 triệu đồng.
- Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng đường 5A, 5C, 6A, 6B, 7A, 7B, 7C và văn phòng ban quản lý với chi phí là 1.344 triệu đồng.
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng ban quản lý với chi phí là 840 triệu đồng.
- Trồng bổ sung cây Giáng Hương tại công viên đường 6A với chi phí là 77 triệu đồng.
- Bảo trì, sửa chữa hệ thống camera an ninh với chi phí là 91 triệu đồng.
- Dọn mặt bằng công viên cây xanh đường 7A, 7B với chi phí là 76 triệu đồng.
- Cải tạo, sửa chữa nhà ăn, sơn nhà xe, sơn tường rào, trồng cỏ cảnh quan văn phòng ban quản lý với chi phí là 855 triệu đồng.
- Đầu tư tuyến cống thoát nước thải HDPE DN400 với giá trị đầu tư là 979 triệu đồng.
- Tiếp tục thẩm nhựa bù lún đường 5C (giai đoạn 2) với chi phí là 442 triệu đồng.
- Tiếp tục thay mới hệ thống cấp nước đường 5A và 5C với chi phí là 2.126 triệu đồng.
- Tiếp tục cải tạo và sửa chữa 05 cổng chào của Khu công nghiệp với chi phí là 2.546 triệu đồng.
- Tiếp tục sửa chữa cửa thu nước hồ ga thoát nước mưa tuyến đường 5A và 5C với chi phí là 350 triệu đồng.



2 Dự án Chợ Long Thành:

1. **Địa điểm:** Khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. **Quy mô diện tích chợ:** 2,152 ha.

3. Chợ Long Thành được đầu tư hoàn chỉnh bao gồm nhà lồng chợ chính (644 kios và sạp chợ), chợ tươi sống (356 điểm kinh doanh), chợ cá (76 điểm kinh doanh), chợ đầu mối (điểm kinh doanh).

4. **Tổng vốn đã thực hiện đầu tư:** 120.937 triệu đồng.

5. Trong năm 2020, Công ty thực hiện các công việc như sau:

- Thực hiện công tác quản lý và khai thác các hoạt động kinh doanh tại chợ Long Thành bao gồm công tác an ninh, công tác phòng cháy chữa cháy, công việc duy tu, bảo dưỡng hạ tầng chợ định kỳ, công việc vệ sinh, chăm sóc cây xanh và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tiếp tục duy tu bảo dưỡng hạ tầng với chi phí là 1.154 triệu đồng.

- Duy tu bảo dưỡng hạ tầng (tường rào và khu chứa rác, trạm xử lý nước thải) với chi phí là 1.560 triệu đồng.

- Cải tạo mương thoát nước thải khu vực chợ cá với chi phí là 160 triệu đồng.

- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thẩm tra để duy tu, sửa chữa, cải tạo chợ tươi sống với chi phí là 124 triệu đồng.



3 Dự án Khu dân cư Lộc An:

1. **Địa điểm:** Xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
2. **Quy mô diện tích dự án:** 41,166 ha.
3. **Tiến độ thực hiện dự án:** từ năm 2008 dự kiến đến năm 2021.
4. **Tổng mức đầu tư dự án:** 336.415 triệu đồng.
5. **Tổng vốn đã thực hiện đầu tư:** 337.542 triệu đồng.
6. Dự án đã hoàn thành công tác thỏa thuận, bồi thường, giải phóng mặt bằng.
7. Trong năm 2020, Công ty thực hiện các công việc như sau:
 - Bảo dưỡng cây xanh toàn khu với chi phí là 2.464 triệu đồng.
 - Đầu tư nhà để xe máy với giá trị đầu tư là 239 triệu đồng.
 - Đầu tư nhà vệ sinh công cộng với giá trị đầu tư là 413 triệu đồng.
 - Lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 với chi phí là 110 triệu đồng.
 - Tiếp tục đầu tư nhà liên kế phố (30 căn) với giá trị đầu tư là 9.030 triệu đồng.
 - Sửa chữa, lắp đặt bổ sung hệ thống camera an ninh với chi phí là 84 triệu đồng.



4 Dự án Khu dân cư phường Thống Nhất:

1. **Địa điểm:** Phường Thống Nhất, tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
2. **Quy mô diện tích dự án:** 30,27 ha.
3. **Tiến độ thực hiện dự án:** từ năm 2007 dự kiến đến năm 2021.
4. **Tổng mức đầu tư dự án:** 854.876 triệu đồng.
5. **Tổng vốn đã thực hiện đầu tư:** 449.985 triệu đồng.
6. **Hình thức đầu tư:** đầu tư phân kỳ, chia làm 2 giai đoạn đầu tư, trong đó:
 - Giai đoạn 1 (17,68 ha): Đã hoàn thành công tác thỏa thuận, bồi thường, giải phóng mặt bằng; đầu tư gần hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật như hệ thống đường giao thông, điện chiếu sáng, điện sinh hoạt, cấp nước, thoát nước, cây xanh tại Khu dân cư phía Bắc (6,67 ha) và Khu dân cư phía Nam (11,01 ha).
 - Giai đoạn 2: quy mô diện tích 12,59 ha.
7. Trong năm 2020, Công ty thực hiện các công việc như sau:
 - Tiếp tục đầu tư đường số 4, số 7 (khu phía bắc) với giá trị đầu tư là 4.935 triệu đồng.
 - Đầu tư hệ thống điện sinh hoạt đường số 4, số 7 (khu phía bắc) với giá trị đầu tư là 185 triệu đồng.
 - Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường số 4, số 7 (khu phía bắc) với giá trị đầu tư là 272 triệu đồng.
 - Đầu tư hệ thống cấp nước đường số 4, số 7 (khu phía bắc) với giá trị đầu tư là 415 triệu đồng.
 - Lập thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán đường N7, N8, D6, D7 (khu phía nam) với chi phí là 132 triệu đồng.
 - Dọn vệ sinh lòng lề đường, làm cỏ, xử lý thoát nước, phá dỡ nhà dọn mặt bằng khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng với chi phí là 205 triệu đồng.
 - Lập hồ sơ dự án Khu dân cư phường Thống Nhất sau điều chỉnh quy hoạch với chi phí là 466 triệu đồng.
 - Đầu tư công viên cây xanh với giá trị đầu tư là 131 triệu đồng.
 - Lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán, thẩm tra, san nền (đợt 1 và 2) để đầu tư Chung cư D2D với chi phí là 4.435 triệu đồng.
 - Thông cống, nạo vét hố ga xử lý bùn thải đường số 1, số 7 (khu phía bắc) với chi phí là 72 triệu đồng.

- Cải tạo đường dân sinh và mương thoát nước đường số 7 với chi phí là 94 triệu đồng.
- Cải tạo vỉa hè đường số 1, số 9 (khu phía bắc) với chi phí là 350 triệu đồng.

**5****Dự án Khu công nghiệp Châu Đức:**

1. Địa điểm: KCN Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.
2. Quy mô diện tích đất cho thuê lại: 31,95 ha.
3. Tổng vốn đã thực hiện đầu tư: 260.719 triệu đồng.
4. Trong năm 2020, Công ty thực hiện công tác tiếp thị và tìm kiếm khách hàng để cho thuê lại đất.



6 Dự án Nhà xưởng Châu Đức (Nhà xưởng cho thuê- D2D gồm 4 nhà xưởng A1, A2, A3, A4):

1. **Địa điểm:** KCN Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.
2. **Quy mô diện tích dự án:** 25.361,3 m².
3. **Tổng vốn đã thực hiện đầu tư:** 1.817 triệu đồng.

4. Trong năm 2020, Công ty thực hiện khảo sát địa chất công trình; Lập báo cáo nghiên cứu khả thi; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Thẩm duyệt thiết kế về PCCC; Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thẩm tra nhà xưởng A1, A2, A3, A4 với chi phí là 1.817 triệu đồng.



NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ - D2D TẠI KCN CHÂU ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM: KHU CÔNG NGHIỆP CHÂU ĐỨC - H. CHÂU ĐỨC - T. BÀ RỊA VŨNG TÀU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH HOÀN THỊNH PHÁT
Số 44/2018/BCTC-PT/2018/ĐKT
Số 44/2018/BCTC-PT/2018/ĐKT
Số 44/2018/BCTC-PT/2018/ĐKT
Số 44/2018/BCTC-PT/2018/ĐKT

7 Dự án 45 căn nhà liên kế Khu dân cư phường Bửu Long:

1. **Địa điểm:** Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa.

2. **Hình thức đầu tư:** Hợp tác đầu tư với Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai để kinh doanh xây dựng 45 căn nhà liên kế 8 (căn 8-52) thuộc dự án Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư.

3. **Tổng vốn đã thực hiện đầu tư:** 13.734 triệu đồng.



4. Tình hình tài chính năm 2020

a. Tình hình tài chính:

Cùng với nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên, sự đồng hành, tín nhiệm và hỗ trợ của chính quyền địa phương, các đối tác, cổ đông, D2D đã có được những bước tiến dài và vững chắc. Từ nguồn vốn 811.505 triệu đồng năm 2019, đến nay, vốn chủ sở hữu đã đạt 969.394 triệu đồng, tương ứng tăng 19,46%. Năm 2020, doanh thu thuần đạt 357.303 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 337.337 triệu đồng, dự kiến chia cổ tức là 30%. Doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh bất động sản, phát sinh chủ yếu từ kinh doanh dự án *Khu dân cư Lộc An*.

Đvt: Triệu đồng

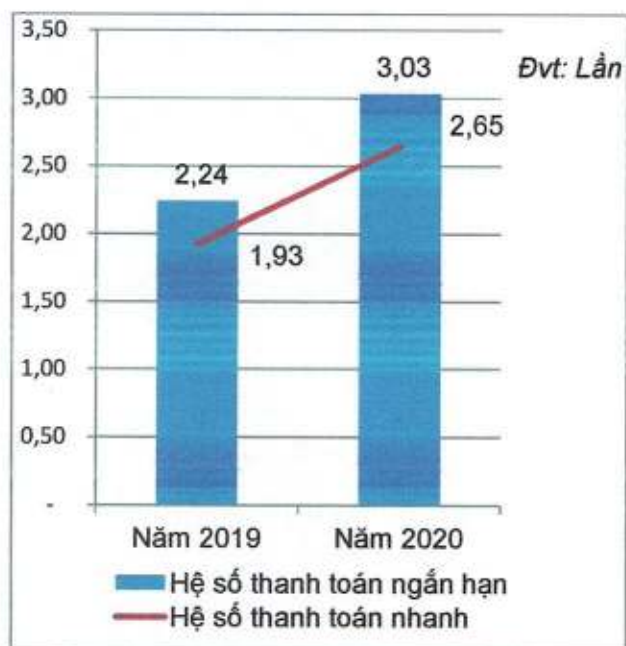
STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
1	Vốn điều lệ	213.550	303.048	41,91
2	Tổng giá trị tài sản	2.098.644	2.003.613	(4,53)
3	Vốn chủ sở hữu	811.505	969.394	19,46
4	Tổng doanh thu	815.024	500.023	(38,65)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
5	Doanh thu thuần	763.774	357.303	(53,22)
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	460.198	345.414	(24,94)
7	Lợi nhuận khác	472	(8.077)	(1.810,84)
8	Lợi nhuận trước thuế	460.670	337.337	(26,77)
9	Lợi nhuận sau thuế	368.530	268.127	(27,24)
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	11.267	8.262	(26,67)
11	Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá cổ phần)	30	35	16,67

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

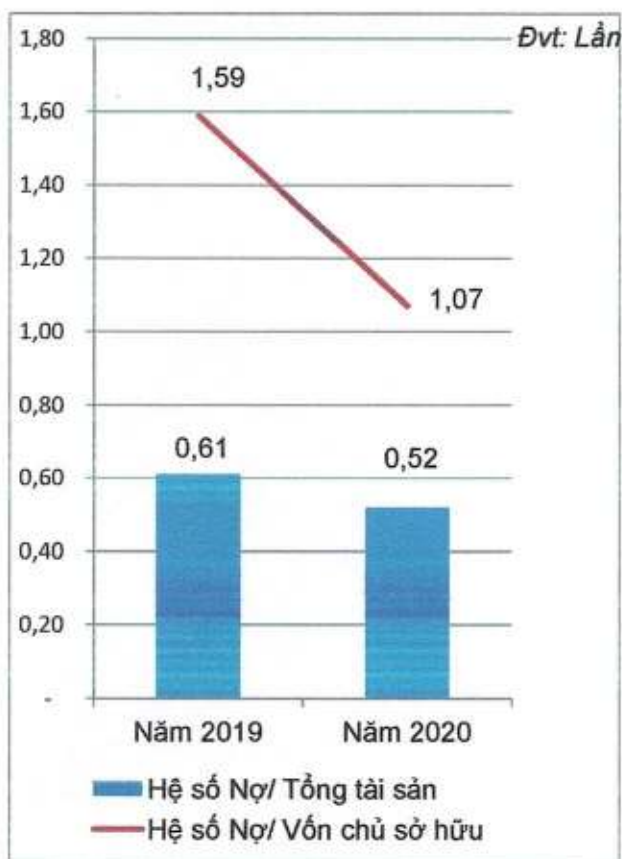
STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	2,24	3,03
	Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,93	2,65
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,61	0,52
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,59	1,07

STT	Chi tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2020
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân)	Lần	0,41	0,17
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	Lần	0,48	0,75
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,38	0,84
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	Lần	0,18	0,13
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	Lần	0,60	0,97



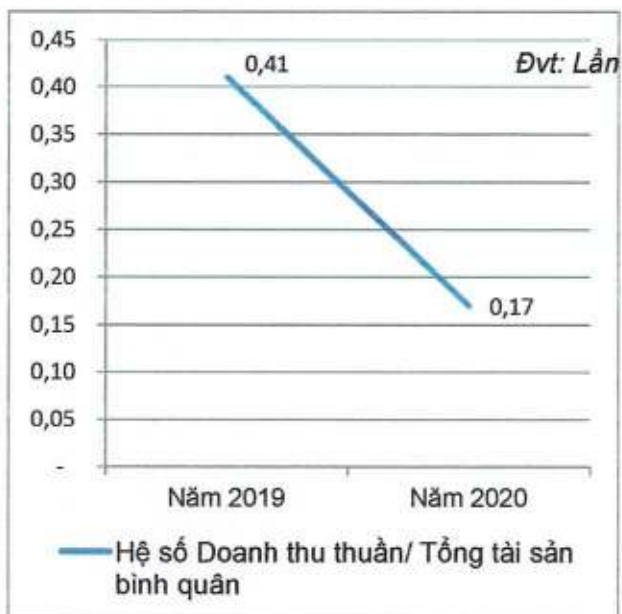
Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2020 của D2D tăng, lần lượt đạt mức 3,03 lần và 2,65 lần, tương ứng tăng 0,79 lần và 0,72 lần. Vào thời điểm cuối năm 2020, tài sản ngắn hạn giảm 179.005 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước trong khi nợ ngắn hạn giảm 227.340 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.



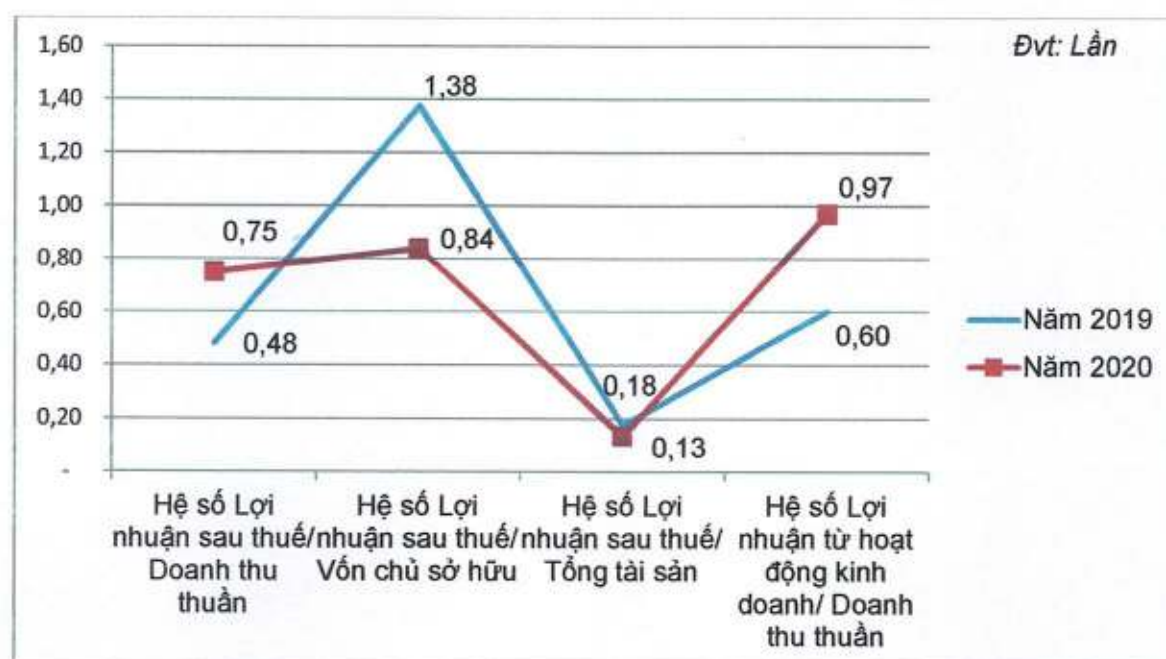
Cơ cấu nguồn vốn

Nợ và vốn chủ sở hữu là hai nguồn vốn cơ bản để tài trợ vốn cho hoạt động của mỗi doanh nghiệp. Với mục tiêu hàng đầu là phát triển bền vững, D2D tập trung tăng vốn chủ sở hữu. Năm 2020, hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm 0,52 lần so với năm 2019. Nợ phải trả giảm, phát sinh chủ yếu từ “Người mua trả tiền trước ngắn hạn” từ dự án *Khu dân cư Lộc An* và “Chi phí phải trả ngắn hạn” từ dự án *Khu dân cư phường Thống Nhất*. Vốn chủ sở hữu tăng đáng kể từ hiệu quả kinh doanh dự án *Khu dân cư Lộc An*.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Với đặc thù của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổng tài sản của Công ty thường rất lớn. Do vậy, chỉ số năng lực hoạt động thường thấp hơn so với các ngành khác. Năm 2020, chỉ số này của D2D giảm 0,24 lần so với năm 2019.



Khả năng sinh lời

So với năm 2019, hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần năm 2020 tăng 0,27 lần và hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần năm 2020 tăng 0,37 lần. Nguyên nhân là trong năm 2020 lợi nhuận chủ yếu từ hiệu quả kinh doanh dự án *Khu dân cư Lộc An* trong khi kết quả kinh doanh dự án *Khu dân cư phường Thống Nhất* không khả quan trong năm 2019. Ngoài ra, lãi tiền gửi năm 2020 tăng đáng kể so với năm 2019. Tuy nhiên hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu và hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản năm 2020 giảm so với năm 2019 là do việc hạch toán hiệu quả kinh doanh dự án *Khu dân cư Lộc An*.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

STT	Thông tin cổ phần	
1	Số lượng cổ phần phát hành	30.304.758 cổ phần
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	30.259.742 cổ phần
3	Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
4	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	30.304.758 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/11/2020:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	17.534.160	57,86	1	1	0
2	Cổ đông sáng lập	0	0	0	0	0
	Trong nước	0	0	0	0	0
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn	0	0	0	0	0
	Trong nước	0	0	0	0	0
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	45.016	0,15	1	1	0
5	Cổ đông khác	12.725.582	41,99	2.495	33	2.462
	Trong nước	11.522.470	38,02	2.440	21	2.419
	Nước ngoài	1.203.112	3,97	55	12	43
	Cộng	30.304.758	100	2.497	35	2.462
Trong đó	Trong nước	29.101.646	96,03	2.442	23	2.419
	Nước ngoài	1.203.112	3,97	55	12	43

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2020, Công ty D2D thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông: Ngày 27/11/2020.
- Số cổ phần đã phân phối: 8.949.774 cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành bổ sung: 89.497.740.000 đồng.
- Ngày giao dịch cổ phiếu bổ sung: Ngày 14/01/2021.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 45.016 cổ phần.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty****6.1. Tác động lên môi trường:**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:**a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**

Xây dựng là một trong những ngành tiêu thụ năng lượng rất lớn, ở hầu hết các giai đoạn trong chu trình sống của công trình. Theo số liệu của các nước tiên tiến, tổng năng lượng tiêu thụ cho các công trình xây dựng đã chiếm đến 40% - 70% tổng năng lượng cung cấp cho đô thị. Từ thiết kế, thi công, khai thác sử dụng công trình đến sản xuất vật liệu xây dựng đều phải tiêu thụ năng lượng. Việc tiết kiệm năng lượng và sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả không chỉ góp phần làm giảm chi phí cho doanh nghiệp mà còn phù hợp với mục tiêu của Chính phủ, đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, khi biến đổi khí hậu xảy ra mạnh mẽ thì vấn đề tiết kiệm năng lượng không phải là chuyện của riêng ngành xây dựng. Đó là công việc chung của mọi ngành, nếu không chung tay góp sức, thì kết quả rất hạn chế. Nhận thức được điều đó, D2D đã nghiên cứu, xây dựng những chính sách và biện pháp góp phần tiết kiệm, giảm thiểu năng lượng không cần thiết. Cụ thể, trong năm 2020, Công ty đã tiêu thụ các nguồn năng lượng như sau:

STT	Năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2020
1	Điện (kwh)	1.046.699
2	Xăng (lít)	18.000

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Không có.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Không có.

6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Trên công trường xây dựng, nước được dùng để cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân ở lán trại, cũng như dùng để phục vụ cho thi công và chữa cháy. Nước dùng cho thi công sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như: phục vụ cho công tác xây trát (trộn vữa, nhúng gạch, tưới tường, quét vôi), cho công tác bê tông (rửa đá dăm, sỏi, cát, trộn và tưới bê tông, v.v...), cho các loại máy móc thi công và công cụ vận chuyển khác nhau (làm nguội động cơ của các máy ép khí, máy đào đất, rửa ô tô, cung cấp cho các đầu máy xe lửa, v.v...). Ngoài ra nước còn phục vụ cho công tác như: sơn, cách thủy, nhào trộn đất sét cho các xưởng phụ, v.v... (gia công cấu kiện kim loại, các chi tiết bê tông cốt thép). Việc cấp nước cho công trường rất quan trọng, tuy nhiên, do biến đổi khí hậu nguồn nước ngày càng khan hiếm. Vì vậy, tiết kiệm nước không chỉ tiết kiệm chi phí mà còn giúp bảo vệ môi trường và phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững mà Liên Hiệp Quốc đã đề ra. D2D đã tính toán, thực hiện những chính sách góp phần giảm thiểu lượng nước tiêu thụ. Cùng với đó, Công ty thường xuyên tuyên truyền cho người lao động về việc tiết kiệm nước để nâng cao ý thức của nhân viên. Cụ thể, năm 2020, Công ty đã sử dụng nguồn nước cấp và nước ngầm như sau:

STT	Nước sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2020
1	Nước cấp (m ³)	31.021
2	Nước ngầm (m ³)	0

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường không chỉ là thực hiện nghĩa vụ về pháp luật, mà bảo vệ và cải tạo môi trường còn nhằm tránh những tác động, hậu quả xấu có thể xảy ra trong tương lai, để lại môi trường trong lành cho thế hệ sau tồn tại và phát triển. Ngoài ra, bảo vệ môi trường còn góp phần giúp Công ty phát triển bền vững, kiểm soát ô nhiễm, tiết kiệm chi phí và quan trọng nhất là tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên khó tái tạo. Do đó, D2D chủ động kiểm soát và xử lý chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường. Đồng thời, Công ty còn đưa ra các chính sách bảo vệ trường nhằm bảo đảm trong quá trình hoạt động tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về môi trường.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

1	Số lượng lao động (người)	85
2	Mức lương trung bình đối với người lao động (đồng/tháng/người)	13.509.623

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Chính sách tiền lương:

Chế độ tiền lương được trả theo nguyên tắc đảm bảo sự công bằng, hợp lý, phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu suất, chất lượng công việc của mỗi nhân viên và tinh thần, nhiệm vụ được phân công. Do đó, công ty thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động- Thương binh và xã hội để bảo đảm chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) trong công ty. Ngoài ra, Công ty còn có các khoản lương bổ sung, tiền thưởng và các chế độ khác cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết.

Chính sách phúc lợi:

Cấp ủy chỉ bộ lãnh đạo chi bộ đảng (43 đảng viên), chi đoàn thanh niên (03 đoàn viên) và tổ chức công đoàn (85 đoàn viên) sinh hoạt định kỳ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tham gia tốt các mặt phong trào văn thể mỹ phát động tại công ty, các phong trào do Tổng công ty Sonadezi tổ chức, thực hiện tốt việc xây dựng thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, cụ thể hóa việc gắn Năng suất- Chất lượng- Hiệu quả với quyền lợi của người lao động, luôn quan tâm và chăm lo nhu cầu đời sống và tinh thần cho công đoàn viên như tổ chức mừng sinh nhật cho công đoàn viên, tặng quà vào các dịp Lễ, Tết. Công ty thường xuyên theo dõi và báo cáo tăng, giảm về các chế độ bảo hiểm bắt buộc phù hợp với các quy định pháp luật về tiền lương, BHXH một cách kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động định kỳ 01 lần/năm. Ngoài ra, công ty còn có chính sách hỗ trợ khi gia đình CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn, đau ốm.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Theo Luật giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm chính trong việc đào tạo nghề cho lao động trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, để đáp ứng kịp với tốc độ phát triển của nền kinh tế và công nghệ hiện tại, doanh nghiệp cần đẩy mạnh tập trung đào tạo tay nghề cho người lao động để bắt kịp với xu thế. Trong năm 2020, công ty đã cử 41 cán bộ, nhân viên đi đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ với chi phí là 233 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Đối với D2D, công tác xã hội - từ thiện không chỉ là trách nhiệm mà còn nằm trong triết lý kinh doanh. Sau 28 năm thành lập và phát triển, với sự tăng trưởng toàn diện và đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường và địa phương, Công ty nhận thấy trách nhiệm đền đáp và chia sẻ, chứ không chỉ tìm kiếm lợi nhuận. Nhất là ở thời điểm hiện tại, điều kiện kinh tế của đất nước còn hạn hẹp nhưng phải chăm lo cho hàng triệu gia đình thương binh, liệt sĩ; hàng triệu người nhiễm chất độc cam, đồng bào vùng sâu, vùng xa hay cứu trợ người dân vùng thiên tai và hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19. Do vậy, Công ty thường xuyên đóng góp, ủng hộ các chương trình xã hội, từ thiện nhiều ý nghĩa như: xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bị bão lụt, hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch Covid-19...góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong năm 2020, công ty chỉ đóng góp công tác xã hội, từ thiện là 4.387 triệu đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không có.

7. Hoạt động thi đua khen thưởng

Trong năm 2020, tập thể và các cá nhân Công ty D2D đạt được những thành tích như sau:

1. Ông *Hồ Đức Thành*, Tổng giám đốc, được khen thưởng danh hiệu "Cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước" của tỉnh Đồng Nai năm 2019.
2. Tập thể công ty đạt "Tập thể lao động xuất sắc năm 2020".
3. Chi bộ đạt ""Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu" với 02 Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 41 Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.
4. Công ty có 01 tập thể đạt "Tập thể lao động xuất sắc" và 05 tập thể đạt "Tập thể lao động tiên tiến".
5. Công ty đã bình xét được 04 cá nhân để đề nghị UBND Tỉnh tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong năm 2020, 09 cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở" và 71 cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020**
- 2. Tình hình tài chính năm 2020**
- 3. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2020)**
- 4. Kế hoạch phát triển năm 2021 và nhiệm kỳ IV (2021-2026)**
- 5. Kế hoạch thực hiện các dự án năm 2021**
- 6. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch năm 2021**
- 7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Năm 2020, Công ty D2D có nguồn doanh thu chủ yếu từ hoạt động kinh doanh bất động sản tại dự án *Khu dân cư Lộc An*. Bên cạnh đó, nguồn doanh thu ổn định từ hoạt động cho thuê lại đất tại dự án *Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2* và hoạt động kinh doanh chợ tại dự án *Chợ Long Thành* tiếp tục góp phần vào sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Dưới sự lãnh đạo của Cấp ủy chi bộ và Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty D2D đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao, tạo thu nhập ổn định cho người lao động, duy trì mức cổ tức đáng kể cho cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và tham gia tích cực các công tác xã hội, từ thiện.

2. Tình hình tài chính năm 2020

a. Tình hình tài sản:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.439.076	1.260.071	(12,44)
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	659.569	743.543	12,73
Tổng cộng tài sản			2.098.644	2.003.613	(4,53)

Tổng giá trị tài sản giảm từ 2.098.644 triệu đồng xuống 2.003.613 triệu đồng (giảm 95.031 triệu đồng, tương đương giảm 4,53%), phát sinh chủ yếu từ việc thanh toán cổ tức năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2020.

“Tài sản ngắn hạn” giảm từ 1.439.076 triệu đồng xuống 1.260.071 triệu đồng (giảm 179.005 triệu đồng, tương đương giảm 12,44%), phát sinh chủ yếu từ việc thanh toán cổ tức năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2020, đầu tư Nhà máy xử lý nước thải (giai đoạn 3), góp vốn bổ sung vào Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI là 5.240 triệu đồng và góp vốn vào Công ty CP Sonadezi Bình Thuận là 36.000 triệu đồng, thuê thêm đất Khu công nghiệp Châu Đức.

“Tài sản dài hạn” tăng từ 659.569 triệu đồng lên 743.543 triệu đồng (tăng 83.974 triệu đồng, tương đương tăng 12,73%), phát sinh chủ yếu từ các khoản như sau:

- "Các khoản phải thu dài hạn" (Phải thu dài hạn khác) tăng từ 0 đồng lên 11.052 triệu đồng là do khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án Chung cư D2D
- "Tài sản dở dang dài hạn" (Chi phí xây dựng cơ bản dở dang) tăng từ 25.574 triệu đồng lên 96.500 triệu đồng (tăng 70.926 triệu đồng) chủ yếu do đầu tư Nhà máy xử lý nước thải (giai đoạn 3), công suất 10.000 m³/ngày đêm.
- "Đầu tư tài chính dài hạn" giảm từ 330.359 triệu đồng xuống 149.403 triệu đồng (giảm 180.956 triệu đồng) chủ yếu do "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" giảm từ 283.000 triệu đồng xuống 60.000 triệu đồng (giảm 223.000 triệu đồng) chủ yếu do sử dụng các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng đầu tư Nhà máy xử lý nước thải (giai đoạn 3) và thuê thêm đất Khu công nghiệp Châu Đức.
- "Tài sản dài hạn khác" tăng từ 129.071 triệu đồng lên 303.433 triệu đồng (tăng 174.362 triệu đồng) chủ yếu do việc thuê thêm đất Khu công nghiệp Châu Đức với giá trị tăng là 166.037 triệu đồng.

b. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định và bất động sản đầu tư:

1. Tài sản cố định hữu hình tăng 2.984 triệu đồng, bao gồm:

- Nhà cửa vật kiến trúc: Tăng 2.034 triệu đồng do cải tạo, sửa chữa nhà ăn, sơn nhà xe, sơn trường rào, sửa chữa văn phòng Ban quản lý Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 (1.618 triệu đồng); đầu tư nhà chờ xe buýt Khu dân cư Lộc An (174 triệu đồng) và đầu tư nhà bảo vệ trạm xử lý nước thải Khu dân cư Lộc An (242 triệu đồng).
- Máy móc thiết bị: Tăng 162 triệu đồng do mua máy toàn đạc điện tử tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 (109 triệu đồng) và đầu tư hệ thống camera an ninh Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 (53 triệu đồng).
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: Tăng 788 triệu đồng do mua xe ô tô Toyota Hiace 60B-05943 (1.383 triệu đồng) và giảm 595 triệu đồng do thanh lý xe ô tô Toyota Corolla 60V-7217.

2. Bất động sản đầu tư tăng 22.647 triệu đồng, bao gồm:

a. Bất động sản đầu tư (Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2) tăng 9.309 triệu đồng, trong đó:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: Tăng 4.443 triệu đồng do đầu tư đường 5A-5C (766 triệu đồng); 05 cổng chào khu công nghiệp (3.557 triệu đồng) và nhà đặt thiết bị quan trắc của nhà máy xử lý nước thải (120 triệu đồng).
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: Tăng 4.793 triệu đồng do đầu tư hệ thống cấp nước đường 5A, 5C (3.031 triệu đồng); đầu tư hệ thống chiếu sáng, trạm biến áp đường 5A-5C (828 triệu đồng) và đầu tư tuyến ống thoát nước thải HDPE DN400 (934 triệu đồng).
- Tài sản cố định khác: Tăng 73 triệu đồng do trồng cây xanh tập trung đường 4C, 6A.

- b. Bất động sản đầu tư (chợ Long Thành) tăng 1.488 triệu đồng do nhà cửa, vật kiến trúc tăng 1.488 triệu đồng từ việc đầu tư trạm xử lý nước thải (622 triệu đồng) và đầu tư tường rào, khu chứa bãi rác (866 triệu đồng).

- c. Bất động sản đầu tư (chợ Lộc An) tăng 11.850 triệu đồng do nhà cửa, vật kiến trúc tăng 11.850 triệu đồng từ việc đầu tư nhà vệ sinh (394 triệu đồng); siêu thị mini (449 triệu đồng); nhà xe (228 triệu đồng); bãi đậu xe (857 triệu đồng); chợ Lộc An (8.989 triệu đồng) và đầu tư hệ thống xử lý nước thải (933 triệu đồng).

c. Tình hình nợ phải thu:

1. Đánh giá tình hình quản lý nợ phải thu tại doanh nghiệp:

- Công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng đối tượng phải thu.
- Việc thực hiện đơn đốc thu hồi công nợ: Định kỳ hàng tháng, công ty thực hiện phát hành văn bản yêu cầu thanh toán đối với từng đối tượng nợ phải thu.
- Việc phân công trách nhiệm đối với bộ phận theo dõi công nợ: Phòng kế toán có trách nhiệm phối hợp với Sàn giao dịch bất động sản, Ban quản lý Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Ban quản lý chợ Long Thành trong việc theo dõi và đơn đốc thu hồi công nợ.
- Đối chiếu công nợ: Công ty thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ vào cuối năm.

2. Phân tích tình hình nợ phải thu tại doanh nghiệp:

a. Các khoản phải thu ngắn hạn đến 31/12/2020 là 114.537 triệu đồng, bao gồm:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 28.248 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 24,66% "Các khoản phải thu ngắn hạn". Phải thu ngắn hạn của khách hàng phát sinh chủ yếu từ khoản phải thu Công ty TNHH Hualon (VN) là 4.342 triệu đồng và phải thu khách hàng tại dự án *Khu dân cư Lộc An* là 18.352 triệu đồng.
- Trả trước cho người bán ngắn hạn là 14.302 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 12,49% "Các khoản phải thu ngắn hạn") là các khoản tạm ứng cho người bán.
- Phải thu ngắn hạn khác là 71.988 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 62,85% "Các khoản phải thu ngắn hạn"), phát sinh chủ yếu từ khoản tạm ứng tiền đền bù giải tỏa của dự án *Khu dân cư phường Thống Nhất* là 12.857 triệu đồng, thuế TNDN tạm nộp 1% chuyển quyền sử dụng đất của dự án *Khu dân cư Lộc An* là 2.368 triệu đồng và khoản dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là 56.757 triệu đồng.

b. Các khoản phải thu dài hạn đến 31/12/2020 là 17.602 triệu đồng, bao gồm:

- Phải thu dài hạn của khách hàng là 74 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 0,42% "Các khoản phải thu dài hạn").

- Phải thu dài hạn khác là 17.528 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 99,58% "Các khoản phải thu dài hạn"), phát sinh chủ yếu từ khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án Chung cư D2D là 11.052 triệu đồng, khoản phải thu lãi cho vay đối với Công ty CP Cầu kiện Bê tông Nhựa Trạch 2 là 6.227 triệu đồng và đã trích lập dự phòng.

d. Tình hình nợ phải trả:

1. Đánh giá tình hình quản lý nợ phải trả tại doanh nghiệp:

- Công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng đối tượng phải trả.
- Việc phân công trách nhiệm đối với bộ phận theo dõi công nợ: Phòng kế toán có trách nhiệm trong việc theo dõi và thanh toán công nợ.
- Đối chiếu công nợ: Công ty thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ vào cuối năm.
- Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Phân tích tình hình nợ phải trả tại doanh nghiệp:

a. Nợ phải trả quá hạn: Không có.

b. Khả năng thanh toán nợ đến hạn là 3,03 lần: Công ty có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

c. Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 1,07. "Nợ phải trả" là 1.034.219 triệu đồng, trong đó chủ yếu từ "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 237.910 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 23% "Nợ phải trả"), "Chi phí phải trả ngắn hạn" là 87.393 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 8,45% "Nợ phải trả"), "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" là 24.902 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 2,41% "Nợ phải trả"), "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" là 24.846 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 2,4% "Nợ phải trả") và "Doanh thu chưa thực hiện dài hạn" là 618.818 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 59,83% "Nợ phải trả").

d. Nợ ngắn hạn đến 31/12/2020 là 415.346 triệu đồng, trong đó chủ yếu từ:

- Phải trả cho người bán ngắn hạn là 7.092 triệu đồng.
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn là 237.910 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 57,28% "Nợ ngắn hạn"), phát sinh chủ yếu từ dự án *Khu dân cư Lộc An*.

- Chi phí phải trả ngắn hạn là 87.393 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 21,04% "Nợ ngắn hạn"), phát sinh chủ yếu từ dự án *Khu dân cư phường Thống Nhất*.
 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là 24.902 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 6% "Nợ ngắn hạn"), phát sinh chủ yếu từ dự án *Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2* và dự án *Chợ Long Thành*.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 24.846 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 5,98% "Nợ ngắn hạn").
- Nợ dài hạn đến 31/12/2020 là 618.873 triệu đồng, chủ yếu từ doanh thu chưa thực hiện dài hạn là 618.818 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 99,99% "Nợ dài hạn"), phát sinh chủ yếu từ dự án *Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2* và dự án *Chợ Long Thành*.

e. Tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp:

Đánh giá: Trong năm 2020, lưu chuyển tiền thuần là (43.393 triệu đồng), dòng tiền chi ra chủ yếu là từ việc thanh toán cổ tức năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2020. Dòng tiền chi ra phát sinh từ hoạt động kinh doanh là (299.422 triệu đồng), chủ yếu là chi nộp thuế TNDN là (72.815 triệu đồng), đầu tư Nhà máy xử lý nước thải (giai đoạn 3), góp vốn bổ sung vào Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI là (5.240 triệu đồng) và góp vốn vào Công ty CP Sonadezi Bình Thuận là (36.000 triệu đồng), thuê thêm đất Khu công nghiệp Châu Đức. Dòng tiền thu vào phát sinh từ hoạt động đầu tư là 351.792 triệu đồng chủ yếu là từ việc tất toán các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Dòng tiền chi ra phát sinh từ hoạt động tài chính (95.762 triệu đồng) là thanh toán cổ tức năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2020.

3. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2020)

a. Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động SXKD so với kế hoạch trong nhiệm kỳ III (2016-2020):

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
1	Tổng doanh thu	Kế hoạch	200.000	235.000	262.000	336.300	413.805	1.447.105
		Thực hiện	239.433	291.181	340.033	815.024	500.023	2.185.695
		Tỷ lệ thực hiện (%)	119,72	123,91	129,78	242,35	120,84	151,04

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
2	Lợi nhuận sau thuế	Kế hoạch	44.300	44.240	49.600	89.360	178.684
		Thực hiện	59.840	75.340	94.361	368.530	268.127
		Tỷ lệ thực hiện (%)	135,08	170,30	190,24	412,41	150,06
3	Nộp Ngân sách	Kế hoạch	40.000	23.270	27.000	80.000	85.000
		Thực hiện	100.232	77.942	94.020	224.066	101.048
		Tỷ lệ thực hiện (%)	250,58	334,95	348,22	280,08	118,88

Trong nhiệm kỳ III (2016-2020), Công ty D2D đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2019 và 2020 tăng đột biến so với kế hoạch là do hiệu quả kinh doanh dự án *Khu dân cư Lộc An*.

b. Đánh giá tình hình tài chính trong nhiệm kỳ III (2016-2020):

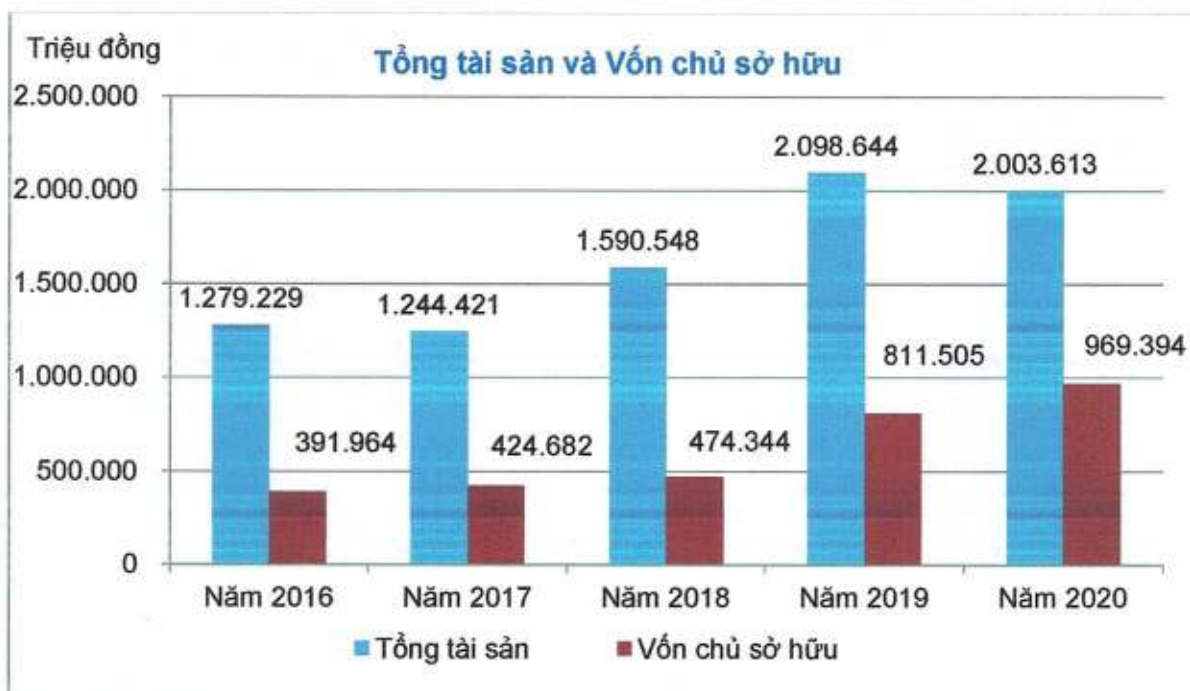
❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Đvt: Triệu đồng

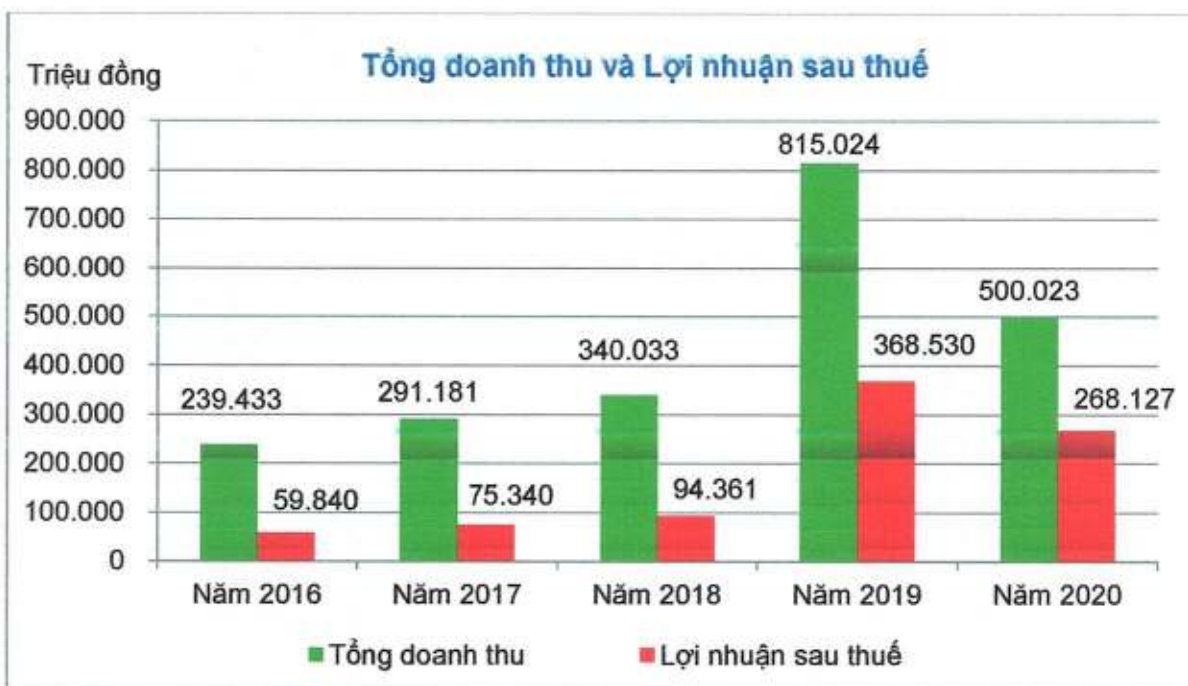
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	107.000	107.000	107.000	213.550	303.048
2	Tổng giá trị tài sản	1.279.229	1.244.421	1.590.548	2.098.644	2.003.613
3	Vốn chủ sở hữu	391.964	424.682	474.344	811.505	969.394
4	Tổng doanh thu	239.433	291.181	340.033	815.024	500.023
5	Lợi nhuận trước thuế	73.886	94.191	118.336	460.670	337.337
6	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	59.840	75.340	94.361	368.530	268.127

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
7	Nộp Ngân sách	100.232	77.942	94.020	224.066	101.048
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS (đồng)	4.785	6.029	4.065	11.267	8.262
9	Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá cổ phần)	25	30	30	30	35
10	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)					
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,22	3,19	2,22	2,24	3,03
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1,32	1,69	1,63	1,93	2,65
11	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)					
	+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,71	0,66	0,70	0,61	0,52
	+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,41	1,93	2,35	1,59	1,07
12	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)					
	+ Hệ số Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,18	0,19	0,20	0,41	0,17
13	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lần)					
	+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	0,28	0,31	0,33	0,48	0,75
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	0,15	0,18	0,37	1,38	0,84
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	0,04	0,06	0,06	0,18	0,13
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,32	0,39	0,42	0,60	0,97

- ❖ **Biểu đồ thể hiện sự biến động của Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu trong nhiệm kỳ III (2016-2020):**



- ❖ **Biểu đồ thể hiện sự biến động của Tổng doanh thu và Lợi nhuận sau thuế trong nhiệm kỳ III (2016-2020):**



Từ năm 2016 đến năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển Công ty theo kế hoạch đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, duy trì mức độ tăng trưởng qua một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tổng tài sản tăng từ 1.279.229 triệu đồng lên 2.003.613 triệu đồng (tăng 724.384 triệu đồng, tương đương tăng 56,63%).
- Vốn chủ sở hữu tăng từ 391.964 triệu đồng lên 969.394 triệu đồng (tăng 577.430 triệu đồng, tương đương tăng 147,32%).
- Tổng doanh thu bình quân đạt 437.139 triệu đồng/năm.
- Lợi nhuận sau thuế bình quân đạt 173.240 triệu đồng/năm, lãi cơ bản bình quân trên cổ phiếu là 6.882 đồng/cổ phần/năm.
- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn, chỉ tiêu về năng lực hoạt động và các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều ở mức tương đối cao.
- Duy trì mức cổ tức hằng năm ổn định là 25-35% mệnh giá cổ phần/năm.
- Năm 2017 và năm 2020, Công ty D2D đã thực hiện góp vốn là 19.240 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty CP BOT 319 Cùrig Thuận CTI để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Đường 319 nối dài và nút giao giữa đường 319 với đường cao tốc TP.HCM- Long Thành- Dầu Giây.
- Năm 2020, Công ty D2D đã thực hiện góp vốn là 36.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 9% vốn điều lệ của Công ty CP Sonadezi Bình Thuận để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Đức tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (diện tích 300 ha, tổng mức đầu tư dự kiến là 1.200.000 triệu đồng).
- Năm 2020, Công ty đã thực hiện thuê thêm 18,85 ha đất tại Khu công nghiệp Châu Đức để phát triển thêm hoạt động đầu tư kinh doanh tại Khu công nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển năm 2021 và nhiệm kỳ IV (2021 - 2026)

a. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

Thị trường bất động sản năm 2020 vẫn đang phát triển và xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2021. Thị trường Việt Nam đang rất thu hút các nhà đầu tư vì các yếu tố kinh tế vĩ mô thuận lợi. Dân số Việt Nam được đánh giá là dân số trẻ, tập trung lớn ở các đô thị nên sức cầu lớn. Các công trình giao thông trọng điểm liên tục được triển khai như các tuyến đường cao tốc, các tuyến đường vành đai,... và dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành là cú hích cho thị trường bất động sản trở nên sôi động. Công ty sẽ có thêm nhiều cơ hội đầu tư và kinh doanh.

Năm 2021 cũng là năm Công ty tiếp tục thực hiện *Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Sonadezi* nhằm định hướng hoạt động và đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.

Với những chủ trương và phương hướng kinh doanh hợp lý, khả năng tài chính hiện có kết hợp với những kinh nghiệm đầu tư, kinh doanh bất động sản đúc kết trong thời gian qua, Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV quyết tâm phấn đấu thực hiện các mục tiêu chiến lược dài hạn và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 để giữ vững và phát triển thương hiệu D2D ngày càng vững mạnh. Phương hướng SXKD năm 2021 được xác định như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	502.000
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	335.675
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	268.700
4	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	92.000
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	348.162
6	Cổ tức dự kiến	%	30

b. Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ IV (2021-2026):

Tiếp tục thực hiện các dự án và tìm kiếm, nghiên cứu thị trường để thực hiện một số dự án mới.

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	502.000	528.000	554.000	582.000	612.000
2	Lợi nhuận sau thuế	268.700	282.000	296.000	310.000	326.000
3	Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá cổ phần)	30	30	30	30	30
Tối thiểu là 10%/năm trong các trường hợp tăng vốn điều lệ						

5. Kế hoạch thực hiện các dự án năm 2021

1 Dự án Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2:

1. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý để đảm bảo hoạt động ổn định của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp bao gồm công tác an ninh, công việc duy tu, bảo dưỡng hạ tầng khu công nghiệp định kỳ, công việc vệ sinh, chăm sóc cây xanh và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 32.706 triệu đồng, bao gồm:

- Cải tạo, sửa chữa hồ hoàn thiện nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 20.000m³/ngày đêm với chi phí là 9.706 triệu đồng.
- Duy tu cải tạo hệ thống thoát nước mưa, nước thải với chi phí là 3.000 triệu đồng.
- Đầu tư hồ phòng ngừa ứng phó sự cố (giai đoạn 2), 10.000-15.000 m³ với giá trị đầu tư là 10.000 triệu đồng.
- Vệ sinh hồ ga thoát nước mưa, thoát nước thải toàn khu (định kỳ 2 năm/lần) với chi phí là 1.500 triệu đồng.
- Duy tu chăm sóc cây xanh tập trung với chi phí là 1.000 triệu đồng.
- Duy tu cải tạo, sửa chữa gạch vỉa hè với chi phí là 5.000 triệu đồng.
- Duy tu bảo trì đèn chiếu sáng khu công nghiệp với chi phí là 500 triệu đồng.
- Duy tu bảo trì thảm nhựa đường khu công nghiệp với chi phí là 1.000 triệu đồng.
- Duy tu sơn nhà máy xử lý nước thải (giai đoạn 1) với chi phí là 1.000 triệu đồng.

2 Dự án Chợ Long Thành:

1. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý và khai thác các hoạt động kinh doanh tại chợ Long Thành bao gồm công tác an ninh, công tác phòng cháy chữa cháy, công việc duy tu, bảo dưỡng hạ tầng chợ định kỳ, công việc vệ sinh, chăm sóc cây xanh và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 4.360 triệu đồng, bao gồm:

- Sửa chữa chợ tươi sống với chi phí là 3.000 triệu đồng.
- Duy tu sửa chữa bảo trì hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy với chi phí là 160 triệu đồng.
- Duy tu sửa chữa hạ tầng chợ với chi phí là 200 triệu đồng.
- Nạo vét hồ ga các tuyến thoát nước với chi phí là 1.000 triệu đồng.

3 Dự án Khu dân cư Lộc An:

Giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 10.300 triệu đồng, bao gồm:

- Điều chỉnh hệ thống điện kế ngầm với chi phí là 8.000 triệu đồng.
- Đầu tư cây xanh hàng rào B2 và B3 với giá trị đầu tư là 300 triệu đồng.
- Chăm sóc cây xanh hàng năm với chi phí là 1.500 triệu đồng.
- Duy tu bảo dưỡng hạ tầng với chi phí là 500 triệu đồng.

4 Dự án Khu dân cư phường Thống Nhất:

Giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 97.902 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư đường N7 (từ giao N7-D6 đến N7-D7), đường D6 (từ giao N7-D6 đến giao N8-D6) - khu phía nam với giá trị đầu tư là 9.100 triệu đồng.
- Đầu tư hệ thống điện sinh hoạt đường N7, đường D6 (khu phía nam) với giá trị đầu tư là 2.200 triệu đồng.
- Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường N7, đường D6 (khu phía nam) với giá trị đầu tư là 868 triệu đồng.
- Đầu tư hệ thống cấp nước đường N7, đường D6 (khu phía nam) với giá trị đầu tư là 950 triệu đồng.
- Dọn vệ sinh lòng lề đường, làm cỏ, xử lý thoát nước, phá dỡ nhà dọn mặt bằng khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng với chi phí là 600 triệu đồng.
- Duy tu sửa chữa vỉa hè, tẩm đan, miệng thu nước mưa, cắt tỉa cây xanh với chi phí là 200 triệu đồng.
- San nền (sau khi giải phóng mặt bằng) với chi phí là 700 triệu đồng.
- Đầu tư công viên cây xanh với giá trị đầu tư là 500 triệu đồng.
- Lập hồ sơ dự án Khu dân cư phường Thống Nhất sau điều chỉnh quy hoạch với chi phí là 984 triệu đồng.
- Đầu tư Nhà văn phòng D2D (1 khối 7 tầng) với giá trị đầu tư là 20.800 triệu đồng.
- Đầu tư Chung cư D2D (2 khối 8 tầng và 1 khối 9 tầng) với giá trị đầu tư là 30.000 triệu đồng.
- Đầu tư trạm xử lý nước thải với giá trị đầu tư là 1.000 triệu đồng.
- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là 30.000 triệu đồng.

5 Dự án Khu công nghiệp Châu Đức:

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện công tác tiếp thị và tìm kiếm khách hàng để cho thuê lại đất.

6 Dự án Nhà xưởng Châu Đức:

Giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 60.000 triệu đồng, bao gồm:

- Giá trị xây lắp là 55.000 triệu đồng.
- Chi phí tư vấn và các chi phí khác là 5.000 triệu đồng.

7 Dự án 45 căn nhà liên kế Khu dân cư phường Bửu Long (Hợp tác đầu tư):

Giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 34.494 triệu đồng.

8 Dự án Nhà ở xã hội Lộc An (4 khối 10 tầng):

1. Địa điểm: Xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
2. Quy mô diện tích dự án: 3,82 ha
3. Giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 77.900 triệu đồng, bao gồm:
 - Giá trị xây lắp là 70.000 triệu đồng.
 - Giá trị thiết bị, tư vấn và các chi phí khác là 7.900 triệu đồng.

9 Dự án 24 căn shophouse Khu dân cư Châu Đức (Hợp tác đầu tư):

1. Địa điểm: Xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
2. Giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 30.500 triệu đồng.

6. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch năm 2021



Công tác thị trường

- Sàn Giao dịch Bất động sản và Ban quản lý Khu công nghiệp Châu Đức thực hiện tốt công tác quảng bá thương hiệu, tiếp thị và kinh doanh.

- Ban quản lý chợ Long Thành và Ban quản lý Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý để tạo môi trường kinh doanh ổn định cho các tiểu thương chợ Long Thành và các doanh nghiệp hoạt động trong Khu công nghiệp.



Công tác tổ chức cơ cấu và nhân sự

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy nhân sự trên cơ sở gọn nhẹ và hiệu quả đáp ứng Đề án tái cơ cấu.

- Thực hiện phân công phân nhiệm rõ ràng, chuyên môn hóa trong công việc.

- Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng công tác của cán bộ, công nhân viên và đảm bảo lực lượng cán bộ kế thừa theo yêu cầu phát triển của công ty.



Công tác phát triển dự án mới

- Tập trung dự án mới về phát triển hạ tầng, chỉnh trang đô thị TP. Biên Hòa.
- Nghiên cứu triển khai các dự án liên quan nhà ở phục vụ công nhân Khu công nghiệp, nhà ở xã hội.



Công tác đối ngoại

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối ngoại để nhận được sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo các ngành, các cấp. Gắn chiến lược phát triển của công ty với chiến lược chung của Tổng công ty Sonadezi giúp công ty phát triển vững chắc hơn.

- Duy trì mối quan hệ sâu rộng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh để có được sự đồng thuận, giúp đỡ và hướng dẫn kịp thời nhằm nâng cao chất lượng quản lý, thực hiện tốt hơn chính sách pháp luật, đảm bảo hiệu quả kinh tế của các dự án.

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ; quá trình đô thị hoá, sự gia tăng dân số quá cao, các thảm họa do thiên tai và những diễn biến xấu về khí hậu toàn cầu đang tăng, gây áp lực lớn lên môi trường. Vì vậy, vấn đề bảo vệ môi trường đang là vấn đề được nhiều cơ quan chức năng, đơn vị, cộng đồng quan tâm. Nhận thức được điều đó, Công ty D2D đã triển khai nhiều biện pháp để bảo vệ môi trường. Cụ thể, khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 và chợ Long Thành đều thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường bao gồm công tác xử lý nước thải, xử lý khí thải và quản lý chất thải như sau:

- 1 Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 có Nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế 10.000 m³/ngày đêm để đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải trong Khu công nghiệp. Chợ Long Thành có Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế 450 m³/ngày đêm. Kết quả xử lý: Đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- 2 Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2: Đạt quy chuẩn môi trường hiện hành QCVN 05:2013/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- 3 Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 và chợ Long Thành đều có bố trí địa điểm trung chuyển, kho lưu trữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, công ty luôn chú trọng đến chất lượng sống của mỗi người lao động. Công ty luôn đảm bảo chi trả lương đúng hạn và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, công ty còn có chính sách thưởng dựa trên mức độ hoàn thành công việc của mỗi cá nhân và định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó, với đặc thù thuộc ngành xây dựng, công ty còn chú trọng đầu tư trang thiết bị bảo hộ lao động, nhằm đảm bảo sự an toàn cho từng nhân viên khi làm việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Sự phát triển của cộng đồng liên quan mật thiết đến sự phát triển của công ty. Vấn đề trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp còn trở thành mục tiêu chiến lược để xây dựng nền kinh tế bền vững của doanh nghiệp trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh và cộng đồng. Do đó, công ty tham gia tích cực các công tác xã hội, từ thiện, góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty**
- 2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác**
- 3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty**
- 4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

THUẬN LỢI

- Sự quan tâm và hỗ trợ của chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Công ty D2D là Công ty niêm yết có khả năng tài chính để thực hiện nhiều dự án.
- Công ty thực hiện chiến lược đầu tư hợp lý trong triển khai các dự án nên tương đối chủ động về nguồn vốn.
- Yêu cầu phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng nhất là trong lĩnh vực phát triển hạ tầng đang và sẽ mở ra nhiều cơ hội đầu tư. Sức mua của người dân ngày càng tăng cũng góp phần thúc đẩy lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản mang lại hiệu quả.

KHÓ KHĂN

- Hiện tại, quy trình và thời gian thực hiện công tác bồi thường giải tỏa, hỗ trợ, tái định cư còn mất nhiều thời gian. Ngoài ra, còn có những trường hợp chưa đồng thuận về bồi thường giải tỏa, cản trở bàn giao mặt bằng đã ảnh hưởng rất nhiều đến tiến độ thực hiện dự án.
- Một số chính sách mới về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản, đầu tư hạ tầng, khai thác tài nguyên chưa được hướng dẫn cụ thể để tạo sự thông thoáng và thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

- Giám sát tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

- Theo đề nghị của Tổng giám đốc, bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty và quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.

- Góp ý về số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

- Giám sát việc thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

- Góp ý về những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của công ty.

- Giám sát việc chuẩn bị các bản dự toán hàng năm và hàng quý của công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của công ty theo kế hoạch kinh doanh.

- Giám sát việc thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ; các quy chế của công ty; các nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá rằng Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo và điều hành các phòng, ban và tập thể cán bộ công nhân viên đạt được những kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2020. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc có đầy đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt. Các thành viên liên tục trau dồi kỹ năng chuyên môn, tích cực tham gia các khóa đào tạo, cập nhật kiến thức và kỹ năng quản lý. Hội đồng quản trị nhận xét rằng các thành viên Ban Tổng giám đốc có đủ các phẩm chất và kỹ năng cần thiết để tiếp tục gánh vác các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện và hoàn thành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và nhiệm kỳ IV (2021-2026).
- Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối ưu năng suất lao động.
- Tiếp tục sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- Tập trung nâng cao năng lực trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, đồng thời đẩy mạnh công tác tìm kiếm phát triển dự án mới trên cơ sở đảm bảo các tiêu chí: pháp lý rõ ràng, tính thanh khoản cao, lợi nhuận đảm bảo.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong các công tác xã hội, từ thiện, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng xanh vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.

D2D

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Hà Quan Dũng	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Hồ Đức Thành	Thành viên HĐQT	299.401	0,99
3	Trương Lưu	Thành viên HĐQT	0	0
4	Trần Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT	4.260	0,01
5	Lê Trọng Đức	Thành viên HĐQT	0	0
6	Thái Vũ Đoài	Thành viên HĐQT độc lập	281.642	0,93
7	Phạm Đức Tùng	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
Cộng			585.303	1,93

❖ Danh sách thành viên HĐQT là thành viên HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tại các công ty khác:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tên doanh nghiệp
1	Hồ Đức Thành	1. Thành viên HĐQT 2. Thành viên HĐQT 3. Thành viên HĐQT	Công ty CP Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2 Công ty CP Xây dựng Số 2 Đồng Nai Công ty CP KCN Định Quán
2	Thái Vũ Đoài	1. Chủ tịch HĐQT 2. Thành viên HĐQT 3. Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	Công ty CP TNHH Phúc Hiếu Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai Công ty CP KCN Định Quán
3	Phạm Đức Tùng	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	Công ty CP Đầu tư Kiến trúc và Xây dựng DTC

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

Hội đồng quản trị tổ chức 04 cuộc họp và thực hiện 15 lần lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề sau:

STT	Nội dung
1.	Chi tạm ứng cổ tức năm 2019.
2.	Chủ trương tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
3.	Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2019.
4.	Thông qua kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020.
5.	Phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, tiền thưởng, thù lao năm 2019.
6.	Thông qua kế hoạch về Quỹ tiền lương, tiền thưởng, thù lao năm 2020.
7.	Thông qua báo cáo hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị.
8.	Thông qua kế hoạch hoạt động đầu tư XD CB năm 2020.
9.	Thông qua việc ủng hộ kinh phí phòng, chống dịch Covid-19.
10.	Phê duyệt các chi phí chuẩn bị đầu tư dự án mới.
11.	Chủ trương về bổ sung vốn góp vào Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI.
12.	Công tác tổ chức và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
13.	Hỗ trợ cải tạo Nhà truyền thống Trung đoàn 935.
14.	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Phòng Kế toán- Tài vụ.
15.	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền.

STT	Nội dung
16.	Góp vốn bổ sung vào Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI.
17.	Chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
18.	Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty D2D.
19.	Thông qua báo cáo hoạt động Quý I/2020 của Hội đồng quản trị.
20.	Thông qua kết quả hoạt động SXKD Quý I/2020.
21.	Thông qua giá trị hợp đồng cho năm thứ ba của Hợp đồng cho thuê Nhà máy xử lý nước thải.
22.	Thông qua việc Hợp tác đầu tư kinh doanh với Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai (Tổ chức có liên quan với ông Thái Vũ Đoài, thành viên Hội đồng quản trị) để thi công xây dựng 45 căn nhà liên kế 8 (căn 8-52) tại dự án Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư (Khu dân cư số 3) tại phường Bửu Long, TP.Biên Hòa.
23.	Thông qua chủ trương tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020.
24.	Chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền.
25.	Thông qua việc thuê lại đất của Công ty CP Sonadezi Châu Đức (Công ty cùng tập đoàn Tổng công ty Sonadezi, tổ chức có liên quan với ông Lê Trọng Đức, thành viên Hội đồng quản trị).
26.	Thông qua việc góp vốn vào Công ty CP Sonadezi Bình Thuận.
27.	Thông qua báo cáo hoạt động 06 tháng đầu năm 2020 của Hội đồng quản trị.
28.	Thông qua kết quả hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm 2020.
29.	Thông qua việc tài trợ Quỹ khuyến học tỉnh Đồng Nai năm 2020.
30.	Thông qua việc hỗ trợ trang bị hệ thống xét nghiệm PCR Real-time phòng chống dịch Covid-19.
31.	Thông qua việc hỗ trợ bồi thường cho hộ dân ở khu vực Nhà ở xã hội thuộc dự án Khu dân cư phường Thống Nhất.
32.	Thông qua việc nộp tiền thuê đất trả tiền 1 lần và tiền chậm nộp tại KCN Nhơn Trạch 2.

STT	Nội dung
33.	Công tác tổ chức và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020.
34.	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 thông qua; Hội đồng quản trị đã xem xét các hồ sơ chuẩn bị cho việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị nhất trí ban hành Nghị quyết thông qua nội dung hồ sơ phát hành; Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện phương án phát hành.
35.	Thông qua Hợp đồng với đơn vị thi công là Công ty TNHH Phúc Hiếu (Tổ chức có liên quan với ông Thái Vũ Đoài, thành viên Hội đồng quản trị) thi công xây dựng 45 căn nhà liên kế 8 (căn 8-52) tại dự án Khu dân cư phường Bửu Long, TP. Biên Hòa.
36.	Phê duyệt đầu tư dự án Nhà xưởng cho thuê- D2D gồm 4 nhà xưởng tại Khu công nghiệp Châu Đức.
37.	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
38.	Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) theo quy định của pháp luật hiện hành; Sửa đổi Điều lệ Công ty theo mức vốn điều lệ mới do thực hiện phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
39.	Thông qua báo cáo hoạt động 09 tháng đầu năm 2020 của Hội đồng quản trị.
40.	Thông qua kết quả hoạt động SXKD 09 tháng đầu năm 2020.
41.	Chủ trương về việc phạt chậm nộp tiền chuyển nhượng QSDĐ dự án Khu dân cư Lộc An đối với một số khách hàng.
42.	Thông qua việc mua xe Toyota Hiace 15 chỗ ngồi (60B-059 43) với giá trị là 1.518.670.000 đồng.

d. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Ông Hà Quan Dũng - Chủ tịch HĐQT:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Thực hiện phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị. Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 được Tổng công ty Sonadezi giao.
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị qua 04 cuộc họp và 15 lần lấy ý kiến bằng văn bản trong năm 2020.

- Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong năm 2020, Chủ tịch thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành 22 nghị quyết và 24 quyết định.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.
- Trực tiếp chỉ đạo tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển các dự án mới như dự án *Nhà ở xã hội Lộc An*, dự án *Khu dân cư và chợ Tam An*.
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 22/04/2020 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 vào ngày 12/10/2020.

2. Ông Hồ Đức Thành - Thành viên HĐQT:

- Là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Điều lệ, các quy chế của công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.
- Trực tiếp quản lý công tác tiêu chuẩn sản phẩm của Công ty.
- Trực tiếp điều hành công ty hoàn thành xuất sắc và vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao, tạo thu nhập ổn định cho người lao động, duy trì mức cổ tức đáng kể cho cổ đông (30% mệnh giá cổ phần), làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và tham gia tích cực các công tác xã hội, từ thiện. Trong năm 2020, công ty chi đóng góp công tác xã hội, từ thiện là 4.387 triệu đồng.
- Tổ chức triển khai các dự án mới như dự án *Nhà xưởng Châu Đức*, dự án *Hợp tác đầu tư kinh doanh xây dựng 45 căn nhà liên kế Khu dân cư phường Bửu Long*, dự án *Chung cư D2D*, *Nhà văn phòng D2D*, dự án *Nhà ở xã hội Lộc An*.

3. Ông Trương Lưu - Thành viên HĐQT:

- Theo dõi công tác quản lý đầu tư xây dựng của công ty: Hội đồng quản trị đã thực hiện rà soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản như luật Đầu tư, luật Xây dựng, luật Đấu thầu,... và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.
- Công tác định mức kinh tế kỹ thuật đối với các sản phẩm của công ty: Đối với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng nhà để bán, công ty đã thực hiện đúng quy trình thiết kế, lập dự toán sản phẩm, thẩm tra, thẩm định phê duyệt thiết kế- dự toán theo quy định, tiến hành lựa chọn nhà thầu xây dựng bằng hình thức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu đủ năng lực thi công để đạt chất lượng công trình cũng như giảm giá thành xây dựng công trình nhằm tăng hiệu quả hoạt động SXKD của công ty.

4. Bà Trần Thị Kim Thu - Thành viên HĐQT:

- Quản lý công tác tài chính, kế toán: Qua các chỉ tiêu tài chính cho thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành, quản lý và sử dụng vốn trong SXKD đạt hiệu quả cao, bảo toàn và phát triển vốn, công ty có tình hình tài chính tốt.

- Thực hiện công tác kiểm tra báo cáo tài chính của công ty: Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM, báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD của công ty và đã thực hiện công bố thông tin một cách đầy đủ chính xác về tình hình hoạt động SXKD cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Kiểm tra công tác kế hoạch như kế hoạch quý, năm và theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch của công ty: Hội đồng quản trị luôn nắm rõ tình hình hoạt động của công ty, thường xuyên chỉ đạo trao đổi rà soát các hoạt động SXKD với Ban điều hành để định hướng phát triển, xây dựng kế hoạch SXKD, triển khai và thực hiện nghị quyết cũng như các mục tiêu SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

5. Ông Lê Trọng Đức - Thành viên HĐQT:

- Công tác tư vấn về quản trị và tiếp thị dự án: Phối hợp chia sẻ thông tin về dự án *Khu dân cư Lộc An* đến các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, đánh giá đề xuất giải pháp bố cục và tăng cao cho dự án *Chung cư D2D* dự kiến thực hiện trong năm 2021.

- Công tác quan hệ đối ngoại phục vụ hoạt động SXKD của công ty: Liên hệ và kết nối Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức với Công ty D2D để hợp tác đầu tư Khu nhà Shophouse thuộc Khu Dân cư Hữu Phước.

6. Ông Thái Vũ Đoài - Thành viên HĐQT độc lập:

- Theo dõi công tác định mức lao động: Công ty thực hiện tốt về định mức lao động.

- Theo dõi các chế độ chính sách về Hợp đồng lao động (tuyển dụng, đào tạo, kỷ luật lao động, cho thôi việc, sa thải): Công ty thực hiện tốt việc ký kết hợp đồng lao động với người lao động và có theo dõi cập nhật đầy đủ quá trình ký kết hợp đồng lao động của cán bộ công nhân viên. Trong năm 2020, công ty đã cử 41 cán bộ, nhân viên đi đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ với chi phí là 233 triệu đồng.

- Công tác tư vấn về quản trị và tiếp thị dự án: Tư vấn dự án *Hợp tác đầu tư kinh doanh xây dựng 45 căn nhà liên kế Khu dân cư phường Bửu Long*.

- Thực hiện tốt công tác quan hệ đối ngoại phục vụ hoạt động SXKD của công ty.

7. Ông Phạm Đức Tùng - Thành viên HĐQT độc lập:

- Các chế độ chính sách đối với người lao động (tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp lương, tiền cơm trưa, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ...); công tác an toàn lao động: Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. Công ty thực hiện tốt việc quản lý lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động- Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Định kỳ, công ty thực hiện trình Tổng công ty Sonadezi phê duyệt kế hoạch lương và quyết toán lương. Công ty cũng đã thực hiện tốt việc trích nộp bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm xã hội năm 2014, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thanh toán tiền cơm trưa cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định.
- Công tác thi đua khen thưởng; việc thực hiện Quy chế dân chủ của công ty: Quy chế tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng phù hợp quy định hiện hành. Công ty đã ban hành nội quy, thỏa ước lao động tập thể và có đăng ký với Sở lao động- Thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai.
- Thực hiện tốt công tác quan hệ đối ngoại phục vụ hoạt động SXKD của công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian đào tạo
1	Hồ Đức Thành	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	14-15/11/2013
2	Trương Lưu	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	20-21/10/2012

❖ Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2020:

Không có.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Hồ Thị Minh Tâm	Trưởng BKS	0	0
2	Vũ Trọng Dũng	Thành viên BKS	795	0,003
3	Lê Thanh Thúy	Thành viên BKS	710	0,002
Tổng cộng			1.505	0,005

b. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát tổ chức 02 cuộc họp. Ban kiểm soát đã hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và có những ý kiến đóng góp cho công tác kế toán cũng như trong việc quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý và thường xuyên lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, thống nhất về định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra các quyết định, các chủ trương và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 22/04/2020 và Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 12/10/2020 để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

❖ Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

1. Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

2. Ban kiểm soát cùng với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã phối hợp và nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty. Trên cơ sở đó, đã có những đề xuất, trao đổi, tham gia ý kiến nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2020:**

Đvt: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
1	Hà Quan Dũng	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc	1.064	134	284,0	1.482
2	Hồ Đức Thành	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.520	192	227,3	1.939
3	Trần Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	1.064	134	227,3	1.425
4	Trương Lưu	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	1.026	130	227,3	1.383

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
5	Lê Trọng Đức	Thành viên HĐQT			227,3	227
6	Thái Vũ Đoài	Thành viên HĐQT			227,3	227
7	Phạm Đức Tùng	Thành viên HĐQT			227,3	227
8	Hồ Đình Thái	Phó Tổng giám đốc	1.140	144		1.284
9	Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng giám đốc	1.140	144		1.284
10	Hồ Thị Minh Tâm	Trưởng BKS	1.026	130		1.156
11	Vũ Trọng Dũng	Thành viên BKS, Phó Ban quản lý chợ Long Thành	498	204	142,0	844
12	Lê Thanh Thúy	Thành viên BKS, Nhân viên Phòng Tổ chức - Hành chính	377	156	142,0	675
13	Hồ Thị Thúy Loan	Thư ký HĐQT			142,0	142
Tổng cộng			8.855	1.368	2.073,6	12.297

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Hồ Đức Thành (Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc)	120.016	0,56	299.401	0,99	Mua, thưởng
2	Hồ Thị Thúy Loan (Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty)	21.884	0,10	37.465	0,12	Mua, thưởng

STT	Họ và tên	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
3	Nguyễn Trần Song Thương (Người có liên quan với ông Vũ Trọng Dũng, thành viên BKS)	4.400	0,02	0	0	Bán
4	Hồ Đức Minh (Người có liên quan với ông Hồ Đức Thành, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc)	0	0	1.036	0,003	Mua, thường

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan:

STT	Tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (đồng)	Thời điểm giao dịch	Số nghị quyết của HĐQT
1	Công ty CP Cầu kiến Bê tông Nhơn Trạch 2	Ông Hồ Đức Thành (Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc của Công ty D2D) là Thành viên HĐQT	Công ty D2D cung cấp hàng hóa, dịch vụ (Cho thuê đất và cơ sở hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 2 từ năm 2009)	1.323.737.244	Quý I	
2	Công ty TNHH Phúc Hiếu	Ông Thái Vũ Đoài (Thành viên HĐQT của Công ty D2D) là Chủ tịch HĐQT	Thi công xây dựng 14 căn nhà liên kế phổ tại dự án Khu dân cư Lộc An, 45 căn nhà liên kế tại dự án Khu dân cư phường Bửu Long	6.734.282.818	Quý I, Quý IV	Số 04 (30/05/2019), Số 17 (26/10/2020)

STT	Tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (đồng)	Thời điểm giao dịch	Số nghị quyết của HĐQT
3	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn Tổng công ty CP Phát triển KCN	Công ty D2D mua hàng hóa, dịch vụ (liên quan nước sinh hoạt)	594.660.184	Năm 2020	
4	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn Tổng công ty CP Phát triển KCN	Công ty D2D mua hàng hóa, dịch vụ (Thuê lại đất tại KCN Châu Đức)	171.010.909.582	Quý I, Quý III, Quý IV	Số 11 (21/12/2015), Số 13, 14 (09/09/2020)
5	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn Tổng công ty CP Phát triển KCN	Công ty D2D cung cấp hàng hóa, dịch vụ (cho thuê nhà máy xử lý nước thải)	5.700.000.000	Năm 2020	Số 06 (05/06/2018), Số 06 (30/05/2019), Số 09 (30/06/2020)
6	Công ty CP Môi trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn Tổng công ty CP Phát triển KCN	Công ty D2D mua hàng hóa, dịch vụ (xử lý rác thải sinh hoạt)	12.046.000	Quý I, Quý II, Quý IV	
7	Tổng công ty CP Phát triển KCN	Công ty mẹ của Công ty D2D	Công ty D2D trả cổ tức năm 2019 (30%), tạm ứng cổ tức năm 2020 (15%)	55.566.000.000	Quý I, Quý II, Quý III	Số 01 (17/01/2020), Số 06 (12/05/2020), Số 12 (03/09/2020)

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty vì quản trị công ty là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng và củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông dành cho doanh nghiệp.

D2D

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 46



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Quan Dũng	Chủ tịch
Ông Hồ Đức Thành	Thành viên
Ông Trương Lưu	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Thái Vũ Đoài	Thành viên
Ông Phạm Đức Tùng	Thành viên
Ông Lê Trọng Đức	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Hồ Thị Minh Tâm	Trưởng ban
Ông Vũ Trọng Dũng	Thành viên
Bà Lê Thanh Thúy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hồ Đức Thành	Tổng Giám đốc
Ông Hà Quan Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đình Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Đức Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Số: 245/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1



Trịnh Thanh Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.260.070.820.865	1.439.075.865.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	36.724.777.936	80.117.342.194
1. Tiền	111		26.724.777.936	30.117.342.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	926.900.000.000	1.083.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		926.900.000.000	1.083.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.007.869.482	69.943.628.798
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	28.247.673.087	26.155.989.385
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	14.301.629.256	9.918.447.692
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	71.987.803.918	34.481.725.328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.529.236.779)	(612.533.607)
IV. Hàng tồn kho	140		161.235.888.055	196.375.273.222
1. Hàng tồn kho	141	4.7	161.235.888.055	196.375.273.222
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.202.285.392	9.139.621.369
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.12	82.805.233	139.621.369
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.15	22.119.480.159	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	9.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		743.542.630.509	659.568.613.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.051.824.770	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		74.540.000	301.531.852
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	17.527.903.170	6.476.078.400
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.6	(6.550.618.400)	(6.777.610.252)
II. Tài sản cố định	220		8.101.959.205	5.954.706.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	8.038.636.084	5.884.411.816
Nguyên giá	222		23.828.595.433	20.844.820.433
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.789.959.349)	(14.960.408.617)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	63.323.121	70.294.461
Nguyên giá	228		1.200.958.230	1.200.958.230
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.137.635.109)	(1.130.663.769)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.10	175.052.693.617	168.609.843.614
1. Nguyên giá	231		398.316.192.580	375.668.672.566
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(223.263.498.963)	(207.058.828.952)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		96.500.178.690	25.573.983.609
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	96.500.178.690	25.573.983.609
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	149.403.179.155	330.359.316.900
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		90.190.000.000	48.950.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(786.820.845)	(1.590.683.100)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		60.000.000.000	283.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		303.432.795.072	129.070.762.985
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	286.208.283.499	109.165.324.138
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.8	17.224.511.573	19.905.438.847
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.003.613.451.374	2.098.644.478.968

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.034.219.009.984	1.287.139.525.419
I. Nợ ngắn hạn	310		415.345.550.368	642.685.756.218
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	7.092.447.815	844.323.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	237.909.722.224	449.878.005.121
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	21.647.978.336	30.447.084.893
4. Phải trả người lao động	314	4.16	10.434.042.056	14.153.536.107
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	87.393.163.789	100.440.000.156
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.19	24.902.314.863	23.744.686.521
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	1.119.487.886	1.153.964.996
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.20	24.846.393.399	22.024.155.129
II. Nợ dài hạn	330		618.873.459.616	644.453.769.201
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.19	618.817.789.616	644.398.099.201
2. Phải trả dài hạn khác	337		55.670.000	55.670.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		969.394.441.390	811.504.953.549
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21.1	969.394.441.390	811.504.953.549
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.21.2	303.047.580.000	213.549.840.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		303.047.580.000	213.549.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.279.269.740	69.279.269.740
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.407.670.000)	(1.407.670.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.417.650.079	95.696.357.079
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		16.675.061.926	16.675.061.926
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		535.382.549.645	417.712.094.804
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		357.555.490.804	135.831.119.283
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		177.827.058.841	281.880.975.521
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.003.613.451.374	2.098.644.478.968



Hồ Đức Thành
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Trương Lưu
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	357.302.598.786	763.774.109.001
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		357.302.598.786	763.774.109.001
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	103.649.576.168	290.068.643.520
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		253.653.022.618	473.705.465.481
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	141.981.945.630	50.756.455.977
6. Chi phí tài chính	22	5.4	(803.862.255)	(109.102.661)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	51.024.898.167	64.372.890.171
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		345.413.932.336	460.198.133.948
9. Thu nhập khác	31		738.731.098	493.292.515
10. Chi phí khác	32		8.815.307.888	21.210.000
11. Lợi nhuận khác	40		(8.076.576.790)	472.082.515
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		337.337.355.546	460.670.216.463
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	66.529.541.431	112.045.648.589
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.8	2.680.927.274	(19.905.438.847)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		268.126.886.841	368.530.006.721
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.4	8.262	11.267
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.4	8.262	11.267



Hồ Đức Thành
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Trương Lưu
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		337,337,355,546	460,670,216,463
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	17,635,718,901	16,588,131,372
Các khoản dự phòng	03		(114,150,935)	234,393,257
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(142,151,945,630)	(50,756,455,977)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		212,706,977,882	426,736,285,115
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33,848,349,343)	(18,722,470,437)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35,139,385,167	81,671,925,015
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(252,099,174,330)	157,391,712,126
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(176,986,143,225)	8,093,582,739
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(72,814,634,369)	(97,897,954,449)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		29,055,000	9,535,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(11,549,359,730)	(16,713,141,904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(299,422,242,948)	540,569,473,205
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(92,535,955,146)	(27,489,732,594)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		170,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(986,900,000,000)	(1,293,218,878,063)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,366,500,000,000	724,208,467,104
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(41,240,000,000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		105,797,930,561	37,665,467,903
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		351,791,975,415	(558,834,675,650)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.21.5	(95,762,296,725)	(16,062,311,275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(95,762,296,725)	(16,062,311,275)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(43,392,564,258)	(34,327,513,720)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		80,117,342,194	114,444,855,914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	36,724,777,936	80,117,342,194



Hồ Đức Thành
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Trương Lưu
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3600259560 ngày 03 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 23 tháng 12 năm 2020.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo Quyết định số 62/QĐ- SGDHCM ngày 24 tháng 06 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 452/TB- SGDHCM ngày 05 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần đây nhất là 303.047.580.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi)	Việt Nam	175.341.600.000	57,9	123.480.000.000	57,8
Các đối tượng khác	Việt Nam	127.705.980.000	42,1	90.069.840.000	42,2
Cộng		303.047.580.000	100	213.549.840.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số H22, Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 85 (31/12/2019: 84).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng cho thuê; giao dịch mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản;
- Xây dựng công trình công ích;
- Sản xuất cấu kiện bê tông;
- Sản xuất cấu kiện sắt thép;
- Kinh doanh khách sạn;
- Đào tạo phổ thông;
- Định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; xây dựng công trình công nghiệp;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng công trình dân dụng, nhà ở, công trình công cộng, bao che công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Đào tạo đại học;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; thiết kế các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng; thiết kế kết cấu công trình dân dụng; tư vấn đấu thầu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được tính từ thời điểm mua nguyên vật liệu để tham gia vào một quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Chi nhánh Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 14 tháng 01 năm 2016, được đặt tại Khu Công nghiệp Châu Đức, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Bất động sản khu công nghiệp và khu đô thị được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của bất động sản xây dựng để bán bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí tư vấn thiết kế và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm	06 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	04 - 08 năm	04 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08 năm	06 - 08 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm	04 - 05 năm
▪ Khác	02 - 10 năm	02 - 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất bao gồm 918m² và 144m² bổ sung tại số H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất 918m² được tính khấu hao 06 năm và quyền sử dụng đất 144m² bổ sung được tính khấu hao 22 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (5 năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
▪ Phương tiện truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Tài sản cố định khác	04 - 10 năm
▪ Quyền sử dụng đất	06 - 44 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng

Tỷ lệ phân chia doanh thu dựa vào tỷ lệ phần góp vốn mỗi bên trên tổng giá trị hợp đồng. Giá trị góp vốn của mỗi bên được thống nhất theo phần việc của mỗi bên chịu trách nhiệm và được chi tiết theo từng hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ, tiền đền bù hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng từ việc thu hồi đất cho thuê và tiền thuê đất Khu công nghiệp trả tiền một lần. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cho thuê khu công nghiệp

Doanh thu từ tiền cho thuê khu công nghiệp theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở mục 3.8 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Giá vốn đất và cơ sở hạ tầng cho thuê bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ chi phí về đất và phát triển đất;
- Toàn bộ các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí bắt buộc và chi phí chung khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất và cơ sở hạ tầng hiện tại và trong tương lai của dự án như cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung, quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng.

3.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; lệ phí trước bạ; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (chi phí quảng cáo, điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, chi phí quản lý Khu công nghiệp).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.20. Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Kinh doanh bất động sản	10%
▪ Dịch vụ cho thuê đất và cơ sở hạ tầng KCN	10%
▪ Cho thuê sạn, Ki-ốt	10%
▪ Cung cấp nước	5%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	23.098.172	16.708.670
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.701.679.764	30.100.633.524
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	36.724.777.936	80.117.342.194

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất 3,5%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	926.900.000.000	926.900.000.000	1.083.500.000.000	1.083.500.000.000
Dài hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	60.000.000.000	60.000.000.000	283.000.000.000	283.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn - Ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 6,3%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn - Dài hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng với lãi suất từ 5,65%/năm đến 8,2%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020				Tại ngày 01/01/2020			
		VND				VND		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:								
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (a)	3.600.000	36.000.000.000	(*)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần BOT 319 Cường Thuận CTI (b)	1.924.000	19.240.000.000	(*)	-	1.400.000	14.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Cầu Kiện Bê Tông Nhơn Trạch 2 (c)	1.800.000	11.250.000.000	(*)	786.820.845	1.800.000	11.250.000.000	(*)	1.590.683.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang (d)	1.120.000	11.200.000.000	(*)	-	1.120.000	11.200.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thảo Điền (e)	405.132	10.000.000.000	(*)	-	405.132	10.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi (f)	250.000	2.500.000.000	5.250.000.000	-	250.000	2.500.000.000	4.875.000.000	-
Cộng	9.099.132	90.190.000.000		786.820.845	4.975.132	48.950.000.000		1.590.683.100

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3401205899 ngày 05 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận với giá trị ghi sổ là 36.000.000.000 đồng, tương đương 9% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603443783 ngày 16 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT 319 Cường Thuận CTI với giá trị ghi sổ là 19.240.000.000 đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000316 ngày 19 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cầu Kien Bê Tông Nhơn Trạch 2 với giá trị ghi sổ là 11.250.000.000 đồng, tương đương 11,78% vốn điều lệ.

(d) Theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 16/BB-PTKCN ngày 25 tháng 02 năm 2015 về việc hợp tác đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp QL91 đoạn Km14 – Km50+889 theo hình thức hợp đồng BOT, Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Tổng Công ty Sonadezi) chia sẻ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Đầu tư QL91 Cần Thơ - An Giang cho Công ty và đại diện cho Công ty đứng tên góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư QL91 Cần Thơ - An Giang, với giá trị ghi sổ là 11.200.000.000, tương đương 10% vốn điều lệ.

(e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302441032 ngày 12 tháng 10 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa Ốc Thảo Điền với giá trị ghi sổ là 10.000.000.000 đồng, tương đương 1,35% vốn điều lệ.

(f) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000382 ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi với giá trị ghi sổ là 2.500.000.000 đồng, tương đương 5% vốn điều lệ.

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan		
- Xem thêm mục 7	1.567.500.000	1.557.300.000
Phải thu từ khách hàng:		
Khoản phải thu từ bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất Khu dân cư Lộc An	18.352.489.289	16.696.562.990
Công ty TNHH Hualon Corporation Việt Nam	4.342.440.604	5.477.880.491
Các khách hàng khác	3.985.243.194	2.424.245.904
Cộng	28.247.673.087	26.155.989.385

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	13.564.066.554	2.000.000.000
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng - Hội Xây Dựng Đồng Nai	541.527.602	36.220.802
Các nhà cung cấp khác	196.035.100	7.882.226.890
Cộng	14.301.629.256	9.918.447.692

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Dự thu lãi tiền gửi	56.757.083.562	-	20.573.068.493	-
Khoản tạm ứng tiền đền bù giải tỏa Khu dân cư Phường Thống Nhất	9.995.831.800	-	9.393.143.800	-
Thuế TNDN tạm nộp 1% chuyển QSD nhà và đất Khu dân cư Lộc An	2.368.344.550	-	4.475.452.029	-
Các khoản phải thu khác	2.866.544.006	-	40.061.006	-
Cộng	71.987.803.918	-	34.481.725.328	-
Dài hạn:				
Phải thu Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai tiền ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án Chung cư D2D – Phường Thống Nhất	11.051.824.770	-	-	-
Phải thu lãi cho vay - Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhựa Trạch 2 - Xem thêm mục 7	6.226.773.400	6.226.773.400	6.226.773.400	6.226.773.400
Các khoản phải thu khác	249.305.000	249.305.000	249.305.000	249.305.000
Cộng	17.527.903.170	6.476.078.400	6.476.078.400	6.476.078.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu đã quá hạn và khó có khả năng thu hồi	8.407.745.286	327.890.107	7.989.657.976	599.514.117

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhựa Trạch 2	6.226.773.400	-	Trên 3 năm	6.226.773.400	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	2.180.971.886	327.890.107	Từ 2 đến 3 năm	1.762.884.576	599.514.117	Từ 1 đến 3 năm
Cộng	8.407.745.286	327.890.107		7.989.657.976	599.514.117	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:	160.612.575.783	-	195.751.960.950	-
Dự án Khu dân cư xã Lộc An, Huyện Long Thành	130.258.098.507	-	176.155.874.127	-
Dự án chung cư D2D	24.915.755.344	-	19.398.890.345	-
Dự án Xây dựng 45 căn nhà khu Dân cư số 3, Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa	4.873.783.636	-	-	-
Dự án Nhà ở xã hội Lộc An	367.741.818	-	-	-
Dự án Khu dân cư đường Võ Thị Sáu - Giai đoạn 1	197.196.478	-	197.196.478	-
Thành phẩm bất động sản	623.312.272	-	623.312.272	-
Cộng	161.235.888.055	-	196.375.273.222	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	8.334.295.536	5.331.832.919	6.312.537.003	462.562.727	403.592.248	20.844.820.433
Mua trong năm	-	161.920.000	1.382.610.909	-	-	1.544.530.909
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.033.770.909	-	-	-	-	2.033.770.909
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(594.526.818)	-	-	(594.526.818)
Tại ngày 31/12/2020	10.368.066.445	5.493.752.919	7.100.621.094	462.562.727	403.592.248	23.828.595.433
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	4.688.213.188	3.996.364.447	5.653.150.362	385.217.105	237.463.515	14.960.408.617
Khấu hao trong năm	461.418.494	338.069.867	416.967.038	48.085.067	159.537.084	1.424.077.550
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(594.526.818)	-	-	(594.526.818)
Tại ngày 31/12/2020	5.149.631.682	4.334.434.314	5.475.590.582	433.302.172	397.000.599	15.789.959.349
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	3.646.082.348	1.335.468.472	659.386.641	77.345.622	166.128.733	5.884.411.816
Tại ngày 31/12/2020	5.218.434.763	1.159.318.605	1.625.030.512	29.260.555	6.591.649	8.038.636.084

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.706.843.817 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	1.170.958.230	30.000.000	1.200.958.230
Tại ngày 31/12/2020	1.170.958.230	30.000.000	1.200.958.230
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	1.100.663.769	30.000.000	1.130.663.769
Khấu hao trong năm	6.971.340	-	6.971.340
Tại ngày 31/12/2020	1.107.635.109	30.000.000	1.137.635.109
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	70.294.461	-	70.294.461
Tại ngày 31/12/2020	63.323.121	-	63.323.121

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.045.264.854 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê:</u>				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	81.853.701.486	-	-	81.853.701.486
Nhà cửa vật kiến trúc	222.628.980.132	17.780.955.130	-	240.409.935.262
Phương tiện truyền dẫn	67.248.393.618	4.793.255.793	-	72.041.649.411
Tài sản cố định khác	3.937.597.330	73.309.091	-	4.010.906.421
Cộng	375.668.672.566	22.647.520.014	-	398.316.192.580
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	55.370.738.652	696.920.076	-	56.067.658.728
Nhà cửa vật kiến trúc	113.014.827.170	10.515.109.811	-	123.529.936.981
Phương tiện truyền dẫn	35.122.010.528	4.905.640.851	-	40.027.651.379
Tài sản cố định khác	3.551.252.602	86.999.273	-	3.638.251.875
Cộng	207.058.828.952	16.204.670.011	-	223.263.498.963
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	26.482.962.834			25.786.042.758
Nhà cửa vật kiến trúc	109.614.152.962			116.879.998.281
Phương tiện truyền dẫn	32.126.383.090			32.013.998.032
Tài sản cố định khác	386.344.728			372.654.546
Cộng	168.609.843.614			175.052.693.617

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 125.996.594.660 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Dự án Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Nhà máy xử lý nước thải	69.867.350.716	870.272.965
Dự án xây dựng Văn phòng công ty	24.074.455.712	24.074.455.712
Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Châu Đức	2.047.954.182	231.254.545
Dự án Khu phố chợ và chợ mới Quận Thủ Đức	398.000.387	398.000.387
Dự án cải tạo văn phòng Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2	112.417.693	-
Cộng	96.500.178.690	25.573.983.609

4.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ	82.805.233	139.621.369
Dài hạn:		
Tiền thuê đất Khu Công nghiệp Châu Đức (*)	220.468.393.839	54.431.695.540
Tiền thuê đất Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2	62.415.925.011	48.747.291.759
Chi phí đền bù, hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng	3.323.964.649	5.974.253.502
Chi phí chờ kết chuyển khác	-	12.083.337
Cộng	286.208.283.499	109.165.324.138

(*) Là giá trị tiền thuê khoảng 32 ha tại Khu Công nghiệp Châu Đức với mục đích đầu tư xây dựng nhà xưởng và cho doanh nghiệp khác thuê lại.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	5.524.920	5.524.920	378.369.920	378.369.920
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật SEEN	4.616.061.767	4.616.061.767	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng Thiết kế Vũ Hòa Vinh	874.985.011	874.985.011	-	-
Các khách hàng khác	1.595.876.117	1.595.876.117	465.953.375	465.953.375
Cộng	7.092.447.815	7.092.447.815	844.323.295	844.323.295

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Khách hàng trả trước tiền mua đất Khu dân cư Lộc An	237.814.363.918	447.545.202.815
Khách hàng trả trước tiền chuyển QSD đất Khu dân cư Võ Thị Sáu	94.000.571	94.000.571
Khách hàng trả trước tiền mua nhà và đất Phường Thống Nhất	-	2.000.000.000
Các khách hàng khác	1.357.735	238.801.735
Cộng	237.909.722.224	449.878.005.121

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Số thuế GTGT phát sinh VND	Số thuế GTGT được khấu trừ VND	Số thuế GTGT không được khấu trừ VND	Tại ngày 01/01/2020 VND		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	22.119.480.159	31.218.682.783	9.078.971.187	20.231.437	-		
	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã khấu trừ/ được hoàn	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	11.832.854.172	9.078.971.187	3.174.134.073	-	420.251.088
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20.020.928.430	64.422.433.952	-	72.814.634.369	-	28.413.128.847
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.627.049.906	9.100.271.342	1.350.301.598	7.736.624.796	-	1.613.704.958
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	25.972.681.494	1.330.489.611	15.642.191.883	9.000.000.000	-
Các loại thuế khác	-	-	1.479.947.340	-	1.479.947.340	-	-
Cộng	-	21.647.978.336	112.808.188.300	11.759.762.396	100.847.532.461	9.000.000.000	30.447.084.893

4.16. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2020 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trích trước chi phí hoàn thành Dự án Khu dân cư phường Thống Nhất theo giá thành kế hoạch cho diện tích đất, nhà ở đã bán	86.122.557.869	99.527.194.236
Khác	1.270.605.920	912.805.920
Cộng	87.393.163.789	100.440.000.156

4.18. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	456.580.771	456.580.771
Cổ tức phải trả	652.193.500	519.634.225
Các khoản phải trả khác	10.713.615	177.750.000
Cộng	1.119.487.886	1.153.964.996

4.19. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu cho thuê Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2	22.184.579.271	21.011.070.574
Doanh thu cho thuê chợ Quán Thủ, Huyện Long Thành	2.381.074.889	2.393.228.552
Doanh thu cho thuê đất Phường Thống Nhất làm cơ sở giáo dục	336.660.703	340.387.395
Cộng	24.902.314.863	23.744.686.521
Dài hạn:		
Doanh thu cho thuê Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2	564.952.495.709	588.309.976.085
Doanh thu cho thuê chợ Quán Thủ, Huyện Long Thành	39.220.553.312	41.111.077.781
Doanh thu cho thuê đất Phường Thống Nhất làm cơ sở giáo dục	14.644.740.595	14.977.045.335
Cộng	618.817.789.616	644.398.099.201

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	22.024.155.129	7.358.231.833
Trích lập trong năm	18.115.843.000	31.369.530.200
Tăng khác	29.055.000	9.535.000
Sử dụng trong năm	(11.549.359.730)	(16.713.141.904)
Hoàn lại quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2019 trích thừa	(3.773.300.000)	-
Số dư cuối năm	24.846.393.399	22.024.155.129

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21. Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	107.000.000.000	69.279.269.740	(1.407.670.000)	146.966.696.079	16.675.061.926	135.831.119.283	474.344.477.028
Tăng vốn trong năm trước	106.549.840.000	-	-	(106.549.840.000)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	368.530.006.721	368.530.006.721
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	-	(31.369.530.200)	(31.369.530.200)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2019	-	-	-	55.279.501.000	-	(55.279.501.000)	-
Tại ngày 01/01/2020	213.549.840.000	69.279.269.740	(1.407.670.000)	95.696.357.079	16.675.061.926	417.712.094.804	811.504.953.549
Tăng vốn trong năm nay (*)	89.497.740.000	-	-	(89.497.740.000)	-	-	-
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	-	(63.929.904.000)	(63.929.904.000)
Chi tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	-	-	(31.964.952.000)	(31.964.952.000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	268.126.886.841	268.126.886.841
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020	-	-	-	-	-	(18.115.843.000)	(18.115.843.000)
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển năm 2020	-	-	-	40.219.033.000	-	(40.219.033.000)	-
Hoàn lại quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 trích thừa	-	-	-	-	-	3.773.300.000	3.773.300.000
Tại ngày 31/12/2020	303.047.580.000	69.279.269.740	(1.407.670.000)	46.417.650.079	16.675.061.926	535.382.549.645	969.394.441.390

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(*) Trong năm 2020, Công ty phát hành thêm cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-D2D-ĐHĐCĐ ngày 12/10/2020. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2019 (quỹ đầu tư phát triển) để tăng vốn điều lệ với số tiền là 89.497.740.000 đồng (tương đương 8.949.774 cổ phiếu). Việc phát hành cổ phiếu này đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước xác nhận kết quả phát hành vào ngày 11 tháng 12 năm 2020.

4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vốn góp của công ty mẹ	175.341.600.000	123.480.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	127.705.980.000	90.069.840.000
Cộng	303.047.580.000	213.549.840.000

4.21.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.304.758	21.354.984
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	30.304.758	21.354.984
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	45.016	45.016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.259.742	21.309.968

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.21.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	268.126.886.841	368.530.006.721
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(18.115.843.000)	(27.596.230.200)
Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	250.011.043.841	340.933.776.521
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (*)	30.259.742	30.259.742
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.262	11.267

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quý khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu là số tạm trích theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 04 năm 2020.

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	21.309.968	21.309.968
Ảnh hưởng của 8.949.774 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 04 tháng 12 năm 2020 từ nguồn vốn chủ sở hữu	8.949.774	8.949.774
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	30.259.742	30.259.742

4.21.5. Cổ tức

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(95.762.296.725)	(16.062.311.275)

4.21.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2020	95.696.357.079	16.675.061.926
Trích trong năm	40.219.033.000	-
Sử dụng trong năm – Tăng vốn chủ sở hữu	(89.497.740.000)	-
Tại ngày 31/12/2020	46.417.650.079	16.675.061.926

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	279.461.081.455	686.132.451.979
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp	65.980.890.275	65.484.882.192
Doanh thu cho thuê ki - ốt, sạp chợ Long Thành	11.524.595.624	11.820.743.398
Doanh thu cho thuê đất giáo dục Phường Thống Nhất	336.031.432	336.031.432
Cộng	357.302.598.786	763.774.109.001

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7

	7.023.737.244	23.867.609.248
--	---------------	----------------

Doanh thu kinh doanh bất động sản năm nay giảm so với năm trước chủ yếu do một số lượng lớn bất động sản từ Dự án Khu dân cư Lộc An được bán trong năm 2019.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	54.968.654.466	245.053.138.653
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp	33.336.251.116	29.527.018.770
Giá vốn hoạt động cho thuê ki - ốt, sạp chợ Long Thành	15.061.137.334	15.204.952.845
Giá vốn hoạt động cho thuê đất giáo dục Phường Thống Nhất	283.533.252	283.533.252
Cộng	103.649.576.168	290.068.643.520

Giá vốn kinh doanh bất động sản giảm tương ứng với doanh thu giảm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	140.999.483.794	49.773.793.629
Cổ tức, lợi nhuận được chia	982.461.836	982.662.348
Cộng	141.981.945.630	50.756.455.977

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(803.862.255)	(109.102.661)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	38.261.627.906	46.018.563.685
Chi phí nguyên vật liệu	399.969.448	516.588.939
Chi phí đồ dùng văn phòng	274.792.358	373.607.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.092.766.844	1.150.258.771
Thuế, phí và lệ phí	2.495.709.293	6.201.313.127
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	689.711.320	343.495.918
Chi phí quảng cáo	1.768.390.909	1.019.232.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.337.572.729	2.124.069.476
Chi phí quản lý khác	3.704.357.360	6.625.759.867
Cộng	51.024.898.167	64.372.890.171

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	399.969.448	516.588.939
Chi phí nhân công	42.691.509.989	51.114.760.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	17.635.718.901	16.588.131.372
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	689.711.320	343.495.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.653.778.022	30.537.864.159
Chi phí bằng tiền khác	103.386.601.164	321.724.300.318
Cộng	200.457.288.844	420.825.141.122

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	337.337.355.546	460.670.216.463
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	9.697.449.812	100.540.688.829
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(14.387.098.203)	(982.662.348)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	332.647.707.155	560.228.242.944
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	66.529.541.431	112.045.648.589

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như:

- Khoản trích trước chi phí nhưng chưa có hóa đơn, chứng từ;
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo qui định của pháp luật;
- Thủ lao của các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách;
- Chi phí phạt vi phạm hành chính.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập khi tính thuế như cổ tức, lợi nhuận được chia; khoản chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn, chứng từ.

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn, chứng từ VND
Tại ngày 01/01/2020	(19.905.438.847)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	2.680.927.274
Tại ngày 31/12/2020	(17.224.511.573)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực cho thuê đất và hạ tầng Khu công nghiệp;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Các lĩnh vực khác.

	Lĩnh vực cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Các lĩnh vực khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu đồng Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	65.981	65.485	279.461	686.132	11.861	12.157	-	-	357.303	763.774
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	65.981	65.485	279.461	686.132	11.861	12.157	-	-	357.303	763.774

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Lĩnh vực cho thuê đất và hạ tầng Khu công nghiệp		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Các lĩnh vực khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu đồng Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	32.645	35.958	224.492	441.079	(3.484)	(3.332)	-	-	253.653	473.705
Chi phí không phân bổ									51.025	64.373
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận khác									202.628	409.333
Thu nhập tài chính									141.982	50.756
Chi phí tài chính									(804)	(109)
Thu nhập khác									739	493
Chi phí khác									8.815	21
Lợi nhuận trước thuế									337.337	460.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp									66.530	112.046
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									2.681	(19.905)
Lợi nhuận sau thuế									268.127	368.530

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin khác:

	Lĩnh vực cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Các lĩnh vực khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu đồng Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản không phân bổ									2.003.613	2.098.644
Nợ phải trả không phân bổ									1.034.219	1.287.140

	Lĩnh vực cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Các lĩnh vực khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu đồng Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí mua sắm tài sản	92.536	27.490	-	-	-	-	-	-	92.536	27.490
Chi phí khấu hao	3.257	1.422	13.794	14.902	585	264	-	-	17.636	16.588

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | Công ty mẹ |
| 2. Các công ty con, liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | Công ty cùng tập đoàn |
| 3. Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 4. Công ty TNHH Phúc Hiếu | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 5. Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhựa Trạch 2 | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 6. Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 7. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng- Xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	1.567.500.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này	-	1.557.300.000
Cộng	1.567.500.000	1.557.300.000
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán - Xem thêm mục 4.4:		
Công ty TNHH Phúc Hiếu	11.564.066.554	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	13.564.066.554	2.000.000.000
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu dài hạn khác - Xem thêm mục 4.5:		
Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhựa Trạch 2	6.226.773.400	6.226.773.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả người bán - Xem thêm mục 4.13:		
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	(5.524.920)	(10.898.920)
Công ty TNHH Phúc Hiếu	-	(367.471.000)
Cộng	(5.524.920)	(378.369.920)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cho thuê đất, hạ tầng Khu công nghiệp và nhà máy xử lý nước thải:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	5.700.000.000	5.275.000.000
Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhựa Trạch 2	1.323.737.244	1.328.038.817
Doanh thu bán nhà, đất:		
Nhân sự quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này	-	17.264.570.431
Cộng - Xem thêm mục 5.1	7.023.737.244	23.867.609.248
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ:		
Công ty TNHH Phúc Hiếu	6.504.529.701	25.778.919.089
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	594.660.184	514.444.930
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	171.010.909.582	1.467.200.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	12.046.000	125.324.000
Cộng	178.122.145.467	27.885.888.019

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác (gồm thù lao, lương, thưởng và cổ tức đã chia) được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Hà Quan Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.241.051.728	1.215.207.600
Ông Lương Minh Hiền	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2019) Thành viên HĐQT kiêm	-	214.980.000
Ông Hồ Đức Thành	Tổng Giám đốc	2.403.450.091	1.693.667.600
Ông Hồ Đình Thái	Phó Tổng Giám đốc	1.083.651.182	1.071.010.600
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	1.157.289.031	1.039.974.806
Ông Trương Lưu	Thành viên HĐQT	1.148.797.182	173.984.000
Ông Trần Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.204.024.455	1.159.645.767
Ông Thái Vũ Đoài	Thành viên HĐQT	1.079.730.000	320.339.000
Ông Phạm Đức Tùng	Thành viên HĐQT	187.200.000	171.584.000
Ông Lê Trọng Đức	Thành viên HĐQT	156.800.000	-
Cộng		9.661.993.669	7.060.393.374

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	2.455.993.311	1.188.470.600

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 theo các hợp đồng thuê hoạt động có kỳ hạn trung bình là 30 năm, cho thuê chợ Quán Thủ, Huyện Long Thành theo các hợp đồng thuê hoạt động có kỳ hạn trung bình là 15 năm, cho thuê khu đất khu đất giáo dục Phường Thống Nhất theo hợp đồng thuê hoạt động có kỳ hạn trung bình 46 năm.

Khoản tiền cho thuê cố định mỗi kỳ ghi nhận trong kỳ được chi tiết như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp	65.980.890.275	65.484.882.192
Doanh thu cho thuê chợ Quán Thủ, Huyện Long Thành	11.524.595.624	11.820.743.398
Doanh thu cho thuê đất giáo dục Phường Thống Nhất	336.031.432	336.031.432
Cộng	77.841.517.331	77.641.657.022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu ước tính trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Từ 1 năm trở xuống	24.902.314.863	23.744.686.521
Trên 1 năm đến 5 năm	99.609.259.451	94.978.746.084
Trên 5 năm	519.208.530.165	549.419.353.117
Cộng	643.720.104.479	668.142.785.722

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.267	15.822
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.267	15.822

Việc báo cáo lại thông tin so sánh các chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (báo cáo tài chính năm 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 được ghi nhận theo số tạm trích).

Ngoài ra, Công ty đã tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2019 vào ngày 04 tháng 12 năm 2020, do đó Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31/12/2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 như đã nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

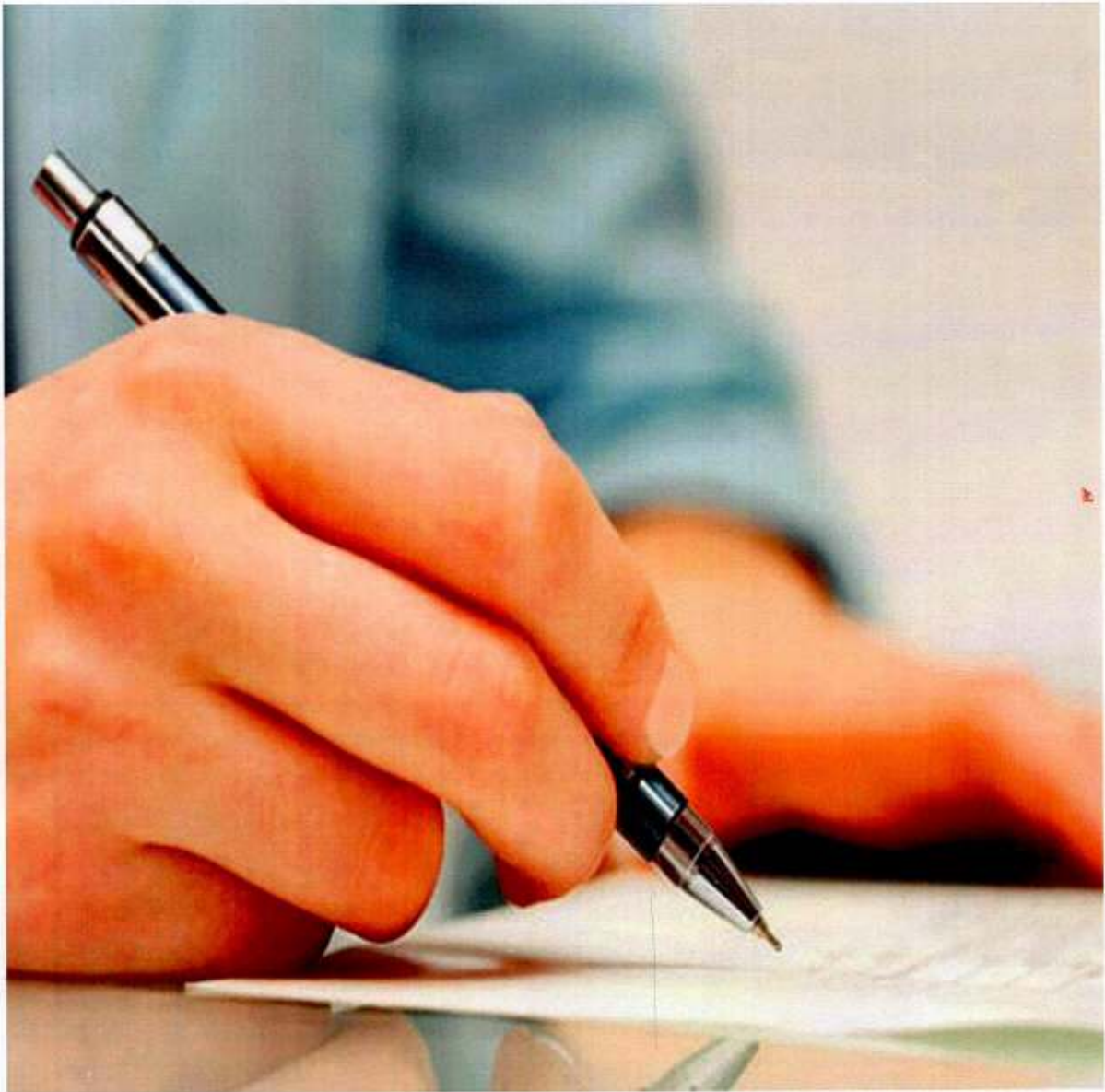


Hồ Đức Thành
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Trương Lưu
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập



Biên Hòa, ngày 31 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Đức Thành